VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ
Hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm, hợp đồng và trao đổi thông tin về đăng ký biện pháp bảo đảm tại các Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp

Thông tư số 08/2018/TT-BTP ngày 20 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm, hợp đồng và trao đổi thông tin về đăng ký biện pháp bảo đảm tại các Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 04 tháng 8 năm 2018, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 06/2020/TT-BTP ngày 17 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2018/TT-BTP ngày 20 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm, hợp đồng và trao đổi thông tin về đăng ký biện pháp bảo đảm tại các Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2021.

Căn cứ Bộ luật dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 39/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động của công ty tài chính và công ty cho thuê tài chính;

Căn cứ Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm;

Căn cứ Nghị định số 96/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm;

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm, hợp đồng và trao đổi thông tin về

đăng ký biện pháp bảo đảm tại các Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp[1].

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh[2]

Thông tư này hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm, hợp đồng, trao đổi thông tin về đăng ký biện pháp bảo đảm tại các Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản (sau đây gọi là Trung tâm Đăng ký) của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp.

2. Cục Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chi cục Thi hành án dân sự quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi là Cơ quan thi hành án dân sự), Văn phòng thừa phát lại.

---

[1] Thông tư số 06/2020/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2018/TT-BTP ngày 20 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm, hợp đồng và trao đổi thông tin về đăng ký biện pháp bảo đảm tại các Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 39/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động của công ty tài chính và công ty cho thuê tài chính;

Căn cứ Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm;

Căn cứ Nghị định số 96/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm;

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2018/TT-BTP ngày 20 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm, hợp đồng và trao đổi thông tin về đăng ký biện pháp bảo đảm tại các Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp."

[2] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 06/2020/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2018/TT-BTP ngày 20 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm, hợp đồng và trao đổi thông tin về đăng ký biện pháp bảo đảm tại các Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2021.

3.[3] Cơ quan đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng, quyền lưu hành tài sản nêu tại điểm b khoản 1 Điều 63 của Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm (sau đây gọi là Nghị định số 102/2017/NĐ-CP) đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; phương tiện giao thông đường sắt; phương tiện thủy nội địa; tàu cá; phương tiện chuyên dùng có đăng ký quyền sở hữu, quyền lưu hành tài sản.

4. Cá nhân, pháp nhân, chủ thể khác theo quy định của pháp luật (sau đây gọi là cá nhân, pháp nhân) có yêu cầu đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng, tìm hiểu thông tin về biện pháp bảo đảm, hợp đồng.

5. Cá nhân, pháp nhân khác có liên quan.

Điều 3. Thẩm quyền đăng ký, cung cấp thông tin của Trung tâm Đăng ký

1. Trung tâm Đăng ký có thẩm quyền đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm, hợp đồng quy định tại Điều 5 của Thông tư này.

2. Trung tâm Đăng ký thực hiện đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm, hợp đồng theo yêu cầu của cá nhân, pháp nhân trong phạm vi cả nước, không phân biệt theo địa giới hành chính nơi Trung tâm Đăng ký đặt trụ sở.

Cá nhân, pháp nhân có quyền lựa chọn một trong các Trung tâm Đăng ký để thực hiện việc đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm, hợp đồng theo quy định của pháp luật.

3. Việc đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm, hợp đồng tại các Trung tâm Đăng ký có giá trị pháp lý như nhau.

Điều 4. Trách nhiệm trao đổi thông tin về đăng ký biện pháp bảo đảm tại các Trung tâm Đăng ký

1. Trung tâm Đăng ký có trách nhiệm gửi thông báo về việc thế chấp phương tiện giao thông đến một trong các cơ quan có thẩm quyền đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng, quyền lưu hành tài sản nêu tại khoản 3 Điều 2 của Thông tư này trong trường hợp người yêu cầu đăng ký có phiếu yêu cầu thông báo về việc thế chấp phương tiện giao thông và nộp phí theo quy định của pháp luật.

2. Chấp hành viên có trách nhiệm gửi Thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, Thông báo giải tỏa kê biên tài sản thi hành án là phương tiện giao thông hoặc các động sản khác, trừ tàu bay, tàu biển đến một trong các Trung tâm Đăng ký.

---

[3] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 06/2020/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2018/TT-BTP ngày 20 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm, hợp đồng và trao đổi thông tin về đăng ký biện pháp bảo đảm tại các Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2021.

Ngay trong ngày ký Quyết định kê biên tài sản hoặc giải tỏa kê biên tài sản thi hành án, Cơ quan thi hành án dân sự có trách nhiệm gửi Thông báo việc kê biên tài sản hoặc giải tỏa kê biên tài sản thi hành án dân sự đến Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để kịp thời cập nhật vào cơ sở dữ liệu về công chứng theo quy định.

3. Việc trao đổi thông tin về tình trạng pháp lý của tài sản bảo đảm tại các Trung tâm Đăng ký có giá trị pháp lý như nhau.

Điều 5. Đăng ký biện pháp bảo đảm[4]

Trường hợp cá nhân, tổ chức có yêu cầu thì Trung tâm Đăng ký thực hiện đăng ký các biện pháp bảo đảm, đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm đã đăng ký, sửa chữa sai sót, xóa đăng ký, đăng ký văn bản thông báo việc xử lý tài sản bảo đảm trong các trường hợp sau đây:

1. Thế chấp động sản, trừ tàu bay, tàu biển bao gồm cả thế chấp động sản hình thành trong tương lai;

2. Bảo lưu quyền sở hữu trong trường hợp mua bán tài sản là động sản, trừ tàu bay, tàu biển có bảo lưu quyền sở hữu.

Điều 5a. Đăng ký hợp đồng[5]

1. Trường hợp cá nhân, tổ chức có yêu cầu đăng ký nhằm công khai hóa thông tin thì Trung tâm Đăng ký thực hiện việc đăng ký hợp đồng, đăng ký thay đổi nội dung hợp đồng đã đăng ký, sửa chữa sai sót, xóa đăng ký đối với các hợp đồng sau đây (trừ hợp đồng thuê mua tàu bay dân dụng theo quy định của pháp luật về hàng không, hợp đồng cho thuê tài chính đối với tàu bay theo quy định của pháp luật về cho thuê tài chính, hợp đồng thuê mua tàu biển theo quy định của pháp luật về hàng hải, hợp đồng cho thuê tài chính đối với tàu biển mà không thuộc trường hợp nêu tại khoản 3 Điều 39 của Thông tư số 30/2015/TT-NHNN ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định việc cấp giấy

---

[4] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 06/2020/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2018/TT-BTP ngày 20 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm, hợp đồng và trao đổi thông tin về đăng ký biện pháp bảo đảm tại các Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2021.

[5] Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 06/2020/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2018/TT-BTP ngày 20 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm, hợp đồng và trao đổi thông tin về đăng ký biện pháp bảo đảm tại các Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2021.

phép, tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng, hợp đồng liên quan đến quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai, nhà ở):

a) Hợp đồng thuê tài sản có thời hạn từ một năm trở lên hoặc hợp đồng có thời hạn thuê tài sản dưới một năm, nhưng các bên giao kết hợp đồng thỏa thuận về việc gia hạn và tổng thời hạn thuê (bao gồm cả thời hạn gia hạn) từ một năm trở lên; hợp đồng ký gửi hàng hóa;

b) Hợp đồng cho thuê tài chính theo quy định của pháp luật về cho thuê tài chính;

c) Hợp đồng chuyển giao quyền đòi nợ, khoản phải thu, quyền yêu cầu thanh toán khác bao gồm quyền đòi nợ, khoản phải thu, quyền yêu cầu thanh toán khác hiện có hoặc hình thành trong tương lai.

2. Việc đăng ký nêu tại khoản 1 Điều này không làm phát sinh hiệu lực của hợp đồng. Người yêu cầu đăng ký chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp và tính chính xác của các thông tin kê khai trong Phiếu yêu cầu đăng ký.

Điều 6. Tài sản thuộc trường hợp đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng

Các tài sản bảo đảm được đăng ký tại Trung tâm Đăng ký theo yêu cầu, gồm:

1. Ô tô, xe máy, các phương tiện giao thông cơ giới đường bộ khác; các phương tiện giao thông đường sắt.

2. Tàu cá; các phương tiện giao thông đường thủy nội địa.

3.[6] Máy móc; phương tiện chuyên dùng theo quy định của pháp luật liên quan không thuộc tài sản nêu tại khoản 1, khoản 2 Điều này và không phải là tàu bay, tàu biển; thiết bị, dây chuyền sản xuất; nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, hàng hóa; kim khí, đá quý; động sản khác là vật.

4. Tiền Việt Nam, ngoại tệ.

5. Phần vốn góp trong doanh nghiệp theo quy định của pháp luật doanh nghiệp.

6. Cổ phiếu, trái phiếu, hối phiếu, kỳ phiếu, chứng chỉ tiền gửi, chứng chỉ quỹ, séc và các loại giấy tờ có giá khác theo quy định của pháp luật, trị giá được thành tiền và được phép giao dịch; các khoản phải thu hợp pháp của cá nhân, pháp nhân.

---

[6] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 06/2020/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2018/TT-BTP ngày 20 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm, hợp đồng và trao đổi thông tin về đăng ký biện pháp bảo đảm tại các Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2021.

7.[7] Các quyền tài sản gồm:

a) Quyền tài sản đối với đối tượng quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng; quyền tài sản phát sinh từ kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, chuyển giao công nghệ hoặc quyền tài sản khác trị giá được bằng tiền trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, công nghệ thông tin; quyền khai thác tài nguyên thiên nhiên;

b)[8] ***(được bãi bỏ)***

c) Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng bao gồm quyền đòi nợ, quyền yêu cầu thanh toán, quyền thụ hưởng lợi ích hình thành từ hợp đồng, quyền khai thác, quản lý dự án, quyền được bồi thường thiệt hại theo hợp đồng hoặc quyền tài sản khác trị giá được bằng tiền phát sinh từ hợp đồng (trừ quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, quyền sở hữu hoặc quyền khác phải đăng ký đối với tàu bay, tàu biển theo quy định của pháp luật về hàng không, hàng hải); quyền thụ hưởng bảo hiểm; quyền được bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng;

d) Quyền tài sản khác theo quy định của pháp luật.

8.[9] Quyền được nhận số tiền bảo hiểm đối với tài sản bảo đảm hoặc các lợi ích khác thu được từ tài sản bảo đảm nêu tại Điều này; hoa lợi; lợi tức, khoản phải thu, khoản phí thu được từ việc khai thác tàu bay, tàu biển, từ việc kinh doanh, khai thác giá trị của quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất hoặc từ việc đầu tư, kinh doanh, khai thác, quản lý, phát triển dự án xây dựng nhà ở, dự án xây dựng công trình và cơ sở hạ tầng, tài sản khác gắn liền với đất.

---

[7] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 06/2020/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2018/TT-BTP ngày 20 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm, hợp đồng và trao đổi thông tin về đăng ký biện pháp bảo đảm tại các Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2021.

[8] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 2 của Thông tư số 06/2020/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2018/TT-BTP ngày 20 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm, hợp đồng và trao đổi thông tin về đăng ký biện pháp bảo đảm tại các Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2021.

[9] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 06/2020/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2018/TT-BTP ngày 20 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm, hợp đồng và trao đổi thông tin về đăng ký biện pháp bảo đảm tại các Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2021.

9. Các động sản khác theo quy định tại khoản 2 Điều 107 của Bộ luật dân sự.

10. Nhà ở, công trình xây dựng khác được xây dựng tạm thời không được chứng nhận quyền sở hữu quy định tại khoản 2 Điều 35 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai như: tài sản được xây dựng tạm thời trong thời gian xây dựng công trình chính hoặc xây dựng bằng vật liệu tranh tre, nứa, lá, đất; công trình phụ trợ nằm ngoài phạm vi công trình chính và để phục vụ cho việc quản lý, sử dụng, vận hành công trình chính; hoặc các tài sản gắn liền với đất khác mà pháp luật chưa có quy định về chứng nhận quyền sở hữu như: nhà thép tiền chế, khung nhà xưởng, nhà lưới, nhà màng; giếng nước; giếng khoan; bể nước; sân; tường rào; cột điện; trạm điện; trạm bơm, hệ thống phát, tải điện; hệ thống hoặc đường ống cấp thoát nước sinh hoạt; đường nội bộ và các công trình phụ trợ khác.

Điều 7. Mã số sử dụng cơ sở dữ liệu về biện pháp bảo đảm

Mỗi cá nhân, pháp nhân được Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp cấp một (01) mã số sử dụng cơ sở dữ liệu về biện pháp bảo đảm để thực hiện việc đăng ký đối với biện pháp bảo đảm, hợp đồng do chính cá nhân, pháp nhân đó xác lập.

Điều 7a. Đăng ký trực tuyến trong trường hợp không yêu cầu cấp mã số sử dụng cơ sở dữ liệu về biện pháp bảo đảm[10]

1. Cá nhân, pháp nhân nếu không yêu cầu cấp mã số sử dụng cơ sở dữ liệu về biện pháp bảo đảm nhưng có yêu cầu đăng ký trực tuyến thì có thể khởi tạo một tài khoản để thực hiện đăng ký, yêu cầu cung cấp thông tin.

Cá nhân, pháp nhân sử dụng tài khoản đã khởi tạo để thực hiện việc đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng do chính mình xác lập.

2. Khi khởi tạo tài khoản đăng ký trực tuyến trên hệ thống đăng ký trực tuyến của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp, cá nhân, pháp nhân kê khai đầy đủ thông tin và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung kê khai đồng thời đính kèm lên hệ thống bản quét (scan) từ bản gốc giấy tờ xác định tư cách pháp lý (Chứng minh nhân dân hoặc thẻ Căn cước công dân hoặc giấy chứng minh được cấp theo quy định của pháp luật về sĩ quan Quân đội nhân dân

[10] Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 của Thông tư số 06/2020/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2018/TT-BTP ngày 20 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm, hợp đồng và trao đổi thông tin về đăng ký biện pháp bảo đảm tại các Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2021.

Việt Nam, Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân viên và viên chức quốc phòng đối với cá nhân là công dân Việt Nam; Hộ chiếu đối với cá nhân là người nước ngoài; Thẻ thường trú đối với cá nhân là người không quốc tịch cư trú tại Việt Nam; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với pháp nhân, doanh nghiệp tư nhân; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh, Quyết định thành lập đối với tổ chức khác) của người khởi tạo tài khoản. Bản quét (scan) sử dụng định dạng tệp dữ liệu theo chuẩn kỹ thuật Portable Document Format (PDF).

3. Khi thực hiện đăng ký trực tuyến, cá nhân, pháp nhân thực hiện việc kê khai các nội dung trên Biểu mẫu điện tử tương tác theo hướng dẫn tại Thông tư này.

4. Cá nhân, pháp nhân phải thanh toán phí đăng ký, cung cấp thông tin trước khi xác nhận yêu cầu đăng ký, cung cấp thông tin trên hệ thống đăng ký trực tuyến.

5. Cá nhân, pháp nhân đã được Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm cấp mã số sử dụng cơ sở dữ liệu về biện pháp bảo đảm thì không được khởi tạo tài khoản quy định tại khoản 1 Điều này.

Trường hợp cá nhân, pháp nhân đã khởi tạo tài khoản theo quy định tại khoản 1 Điều này mà có yêu cầu cấp mã số sử dụng cơ sở dữ liệu về biện pháp bảo đảm thì gửi hồ sơ đề nghị Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm cấp theo quy định. Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thực hiện đóng tài khoản này trước khi cấp mã số sử dụng cơ sở dữ liệu về biện pháp bảo đảm.

Điều 8. Ban hành kèm theo Thông tư này các biểu mẫu sau đây:

1. Phiếu yêu cầu đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng.

2. Phiếu yêu cầu đăng ký thay đổi nội dung đã đăng ký.

3. Phiếu yêu cầu sửa chữa sai sót.

4. Phiếu yêu cầu đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm.

5. Phiếu yêu cầu xóa đăng ký.

6. Phiếu yêu cầu cấp bản sao văn bản chứng nhận đăng ký.

7. Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm, hợp đồng, thông báo kê biên tài sản để thi hành án dân sự.

8. Phiếu yêu cầu cấp mã pin.

9. Văn bản chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng.

10. Văn bản cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm, hợp đồng, thông báo kê biên tài sản thi hành án.

11. Văn bản thông báo việc kê biên tài sản để thi hành án.

12. Văn bản thông báo về việc giải tỏa kê biên tài sản thi hành án.

13. Văn bản xác nhận việc trao đổi thông tin về kê biên, giải tỏa việc kê biên tài sản thi hành án.

14. Phiếu yêu cầu khôi phục kết quả đăng ký trực tuyến.

15. Phiếu yêu cầu thông báo về việc thế chấp phương tiện giao thông.

16. Phụ lục thông tin về tài sản thế chấp/xóa thế chấp là phương tiện giao thông.

17. Phụ lục các bên tham gia biện pháp bảo đảm, hợp đồng, người phải thi hành án.

18. Phụ lục mô tả tài sản bảo đảm, tài sản kê biên thi hành án dân sự bao gồm cả phương tiện giao thông cơ giới nhưng không mô tả theo số khung hoặc để kê khai những nội dung khác.

19. Phụ lục mô tả tài sản bảo đảm, tài sản kê biên thi hành án dân sự theo số khung của phương tiện giao thông cơ giới.

20. Phụ lục Danh mục các biện pháp bảo đảm, hợp đồng đã đăng ký.

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ VỀ ĐĂNG KÝ BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM, HỢP ĐỒNG

Điều 9. Kê khai thông tin trên Phiếu yêu cầu đăng ký và trên Biểu mẫu điện tử tương tác của hệ thống đăng ký trực tuyến

1.[11] Thông tin về bên bảo đảm, bên mua tài sản có bảo lưu quyền sở hữu, bên thuê tài sản, bên thuê tài chính, bên chuyển giao quyền đòi nợ, bên nhận ký gửi hàng hóa (sau đây gọi là bên bảo đảm) được kê khai như sau:

a) Đối với cá nhân là công dân Việt Nam thì kê khai đầy đủ họ và tên, số của một trong những loại giấy tờ sau: Chứng minh nhân dân; thẻ Căn cước công dân; giấy chứng minh được cấp theo quy định của pháp luật về sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam, Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân viên và viên chức quốc phòng;

[11] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 1 của Thông tư số 06/2020/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2018/TT-BTP ngày 20 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm, hợp đồng và trao đổi thông tin về đăng ký biện pháp bảo đảm tại các Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2021.

b) Đối với cá nhân là người nước ngoài thì kê khai đầy đủ họ và tên, số Hộ chiếu theo đúng nội dung ghi trên Hộ chiếu;

c) Đối với cá nhân là người không quốc tịch cư trú tại Việt Nam thì kê khai đầy đủ họ và tên, số Thẻ thường trú theo đúng nội dung ghi trên Thẻ thường trú;

d) Đối với doanh nghiệp tư nhân thì kê khai đầy đủ tên, mã số thuế của doanh nghiệp tư nhân đó;

đ) Đối với hộ gia đình thì kê khai thông tin của thành viên hộ gia đình theo quy định tại điểm a khoản này;

e) Đối với hộ kinh doanh, tổ hợp tác thì kê khai thông tin của thành viên hộ kinh doanh, thành viên tổ hợp tác theo quy định tại điểm a khoản này;

g) Đối với pháp nhân được thành lập theo pháp luật Việt Nam thì kê khai tên và mã số thuế do cơ quan thuế cấp; trường hợp pháp nhân không có mã số thuế thì kê khai theo hướng dẫn tại điểm k khoản này;

h) Đối với chi nhánh pháp nhân thì kê khai đầy đủ tên, mã số thuế của chi nhánh pháp nhân đó;

i) Đối với tổ chức được thành lập, hoạt động theo pháp luật nước ngoài thì kê khai tên được đăng ký tại cơ quan nước ngoài có thẩm quyền. Trong trường hợp tên được đăng ký của tổ chức không viết bằng chữ Latinh thì kê khai tên giao dịch bằng tiếng Anh;

k) Đối với tổ chức khác thì kê khai tên của tổ chức đó;

l) Địa chỉ của bên bảo đảm.

2.[12] Thông tin về bên nhận bảo đảm, bên bán tài sản có bảo lưu quyền sở hữu, bên cho thuê tài sản, bên cho thuê tài chính, bên nhận chuyển giao quyền đòi nợ, bên ký gửi hàng hóa (sau đây gọi là bên nhận bảo đảm) được kê khai như sau:

a) Tên của bên nhận bảo đảm;

b) Địa chỉ của bên nhận bảo đảm.

3. Thông tin về bên bảo đảm, bên nhận bảo đảm là cá nhân, pháp nhân Việt Nam và tài sản bảo đảm phải kê khai bằng tiếng Việt có dấu, trừ trường hợp tài sản bảo đảm có tên riêng bằng tiếng nước ngoài.

---

[12] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 1 của Thông tư số 06/2020/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2018/TT-BTP ngày 20 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm, hợp đồng và trao đổi thông tin về đăng ký biện pháp bảo đảm tại các Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2021.

4. Người yêu cầu đăng ký chỉ kê khai một số hợp đồng và một thời điểm ký kết của hợp đồng đó tại mục "Số hợp đồng" trên Phiếu yêu cầu đăng ký hoặc trên Biểu mẫu điện tử tương tác của hệ thống đăng ký trực tuyến.

5. Trường hợp tài sản bảo đảm là phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, phương tiện giao thông đường sắt (sau đây gọi là phương tiện giao thông cơ giới) và tài sản này không phải là hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh hoặc không phải là tài sản hình thành trong tương lai thì người yêu cầu đăng ký, người thực hiện đăng ký kê khai chính xác số khung của phương tiện giao thông cơ giới đó theo Giấy đăng ký xe hoặc Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt (gọi chung là Giấy đăng ký phương tiện) trên Biểu mẫu điện tử tương tác của hệ thống đăng ký trực tuyến hoặc trên Phiếu yêu cầu đăng ký. Mỗi một số khung (số, chữ) của phương tiện giao thông cơ giới được người yêu cầu đăng ký, người thực hiện đăng ký, kê khai tương ứng với một ô số thứ tự trên Phiếu yêu cầu đăng ký hoặc trường *"số khung"* trên Biểu mẫu điện tử tương tác của hệ thống đăng ký trực tuyến.

6.[13] Trường hợp kê khai tài sản bảo đảm là phương tiện chuyên dùng có đăng ký quyền sở hữu, quyền lưu hành tài sản, người yêu cầu đăng ký kê khai theo hướng dẫn tại khoản 5 Điều này. Việc mô tả tài sản bảo đảm thực hiện theo hướng dẫn tại các khoản 1, 2 và 5 Điều 10 của Thông tư này.

7.[14] Trường hợp kê khai thông tin về bên bảo đảm là cá nhân theo giấy chứng minh được cấp theo quy định của pháp luật về sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam, Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân viên và viên chức quốc phòng thì người yêu cầu đăng ký thực hiện việc kê khai vào ô thể hiện Chứng minh nhân dân hoặc thẻ Căn cước công dân trên Phiếu yêu cầu đăng ký hoặc trường tương ứng trên Biểu mẫu điện tử tương tác của hệ thống đăng ký trực tuyến.

---

[13] Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 1 của Thông tư số 06/2020/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2018/TT-BTP ngày 20 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm, hợp đồng và trao đổi thông tin về đăng ký biện pháp bảo đảm tại các Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2021.

[14] Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 1 của Thông tư số 06/2020/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2018/TT-BTP ngày 20 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm, hợp đồng và trao đổi thông tin về đăng ký biện pháp bảo đảm tại các Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2021.

Điều 10. Mô tả tài sản bảo đảm

1. Việc mô tả về tài sản bảo đảm là phương tiện giao thông cơ giới được thực hiện theo hướng dẫn sau đây:

a) Trường hợp tài sản bảo đảm là phương tiện giao thông cơ giới và tài sản này chưa được đăng ký quyền sở hữu, quyền lưu hành tài sản trong trường hợp pháp luật có quy định về đăng ký quyền sở hữu, quyền lưu hành tài sản thì người yêu cầu đăng ký mô tả số khung của phương tiện giao thông cơ giới theo phiếu xuất xưởng phương tiện hoặc tờ khai hải quan trong trường hợp nhập khẩu phương tiện;

b) Trường hợp số khung của phương tiện giao thông cơ giới có ký tự đặc biệt (ví dụ: dấu *; #...) thì người yêu cầu đăng ký, người thực hiện đăng ký ngoài việc kê khai số khung (không bao gồm ký tự đặc biệt) trên phiếu yêu cầu đăng ký hoặc trường *"số khung"* trên Biểu mẫu điện tử tương tác của hệ thống đăng ký trực tuyến theo hướng dẫn nêu trên còn phải kê khai đầy đủ số khung (số, chữ và ký tự đặc biệt) tại mục "Mô tả tài sản" trên Phiếu yêu cầu đăng ký hoặc trường "Mô tả" trên Biểu mẫu điện tử tương tác của hệ thống đăng ký trực tuyến.

Trường hợp người yêu cầu đăng ký có yêu cầu thông báo thế chấp phương tiện giao thông cơ giới đến cơ quan đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng, quyền lưu hành tài sản thì người thực hiện đăng ký phải kê khai số máy (nếu có) và biển số của phương tiện giao thông cơ giới.

2. Trường hợp tài sản bảo đảm là hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh, hàng tồn kho, quyền tài sản thì người yêu cầu đăng ký, người thực hiện đăng ký có thể mô tả tài sản như sau:

a) Tên hàng hóa, chủng loại, số lượng, địa chỉ cụ thể của kho hàng hoặc các thông tin khác có liên quan đến hàng hóa đó;

b) Trường hợp tài sản bảo đảm là phương tiện giao thông cơ giới và tài sản này là hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh hoặc tài sản hình thành trong tương lai thì người yêu cầu đăng ký, người thực hiện đăng ký không phải mô tả số khung của phương tiện giao thông trên Biểu mẫu điện tử tương tác của hệ thống đăng ký trực tuyến, nhưng tại mục "Mô tả tài sản" trên Phiếu yêu cầu đăng ký hoặc trường "Mô tả" trên Biểu mẫu điện tử tương tác của hệ thống đăng ký trực tuyến phải mô tả tài sản bảo đảm "là hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh" hoặc "là tài sản hình thành trong tương lai";

c) Tên cụ thể của quyền tài sản, căn cứ pháp lý phát sinh quyền, giá trị thành tiền của quyền tài sản (nếu có) hoặc các thông tin khác có liên quan đến quyền tài sản đó trong trường hợp tài sản bảo đảm là quyền tài sản.

3. Trường hợp tài sản bảo đảm là công trình phụ trợ và tài sản này không được chứng nhận quyền sở hữu trên Giấy chứng nhận thì tại mục "Mô tả tài sản" trên Phiếu yêu cầu đăng ký hoặc trường "Mô tả" trên Biểu mẫu điện tử tương tác của hệ thống đăng ký trực tuyến, người yêu cầu đăng ký, người thực hiện đăng ký mô tả tài sản bảo đảm là công trình phụ trợ (ví dụ "Tài sản bảo đảm là công trình phụ trợ gồm nhà làm việc, nhà để xe, nhà bảo vệ...").

4. Trường hợp đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm thì người yêu cầu đăng ký mô tả tài sản tại mục "Mô tả tài sản" trên Phiếu yêu cầu đăng ký hoặc trường "Mô tả" trên Biểu mẫu điện tử tương tác của hệ thống đăng ký trực tuyến như sau:

a) Trường hợp xử lý toàn bộ tài sản bảo đảm thì người yêu cầu đăng ký chỉ cần kê khai "Xử lý toàn bộ tài sản bảo đảm";

b) Trường hợp xử lý một phần tài sản bảo đảm thì người yêu cầu đăng ký kê khai "Xử lý một phần tài sản bảo đảm" và kê khai phần tài sản cần xử lý đã được đăng ký.

5. Trường hợp đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm đã đăng ký thì tại các mục 3.2, 3.4 trên Phiếu yêu cầu đăng ký hoặc trường "Mô tả" trên Biểu mẫu điện tử tương tác của hệ thống đăng ký trực tuyến, người yêu cầu đăng ký, người thực hiện đăng ký kê khai cụ thể nội dung thay đổi. (Ví dụ: 1. Rút bớt tài sản bảo đảm: 1. Xe ô tô, nhãn hiệu..., số khung..., số máy..., biển số...). Trường hợp thực hiện đăng ký thay đổi các nội dung không phải là tài sản bảo đảm thì phải nhập nội dung "Không thay đổi tài sản bảo đảm" và ghi rõ nội dung thay đổi khác tại trường "Mô tả" trên Biểu mẫu điện tử tương tác của hệ thống đăng ký trực tuyến (Ví dụ: Thay đổi địa chỉ bên nhận bảo đảm, không thay đổi tài sản bảo đảm).

6. Trường hợp một hợp đồng thế chấp có nhiều tài sản bảo đảm (có số trang mô tả tài sản từ 50 trang giấy A4 trở lên) mà tài sản đó không phải là phương tiện giao thông cơ giới thì người thực hiện đăng ký có thể thực hiện việc mô tả chung hoặc mô tả tóm tắt nhưng phải xác định được tài sản bảo đảm.

Điều 11. Ký phiếu yêu cầu đăng ký

1.[15] Phiếu yêu cầu đăng ký phải có đầy đủ chữ ký, con dấu (nếu có) của pháp nhân, cá nhân là các bên tham gia biện pháp bảo đảm, hợp đồng hoặc người được

[15] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 8 Điều 1 của Thông tư số 06/2020/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2018/TT-BTP ngày 20 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm, hợp đồng và trao đổi thông tin về đăng ký biện pháp bảo đảm tại các Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2021.

pháp nhân, cá nhân đó ủy quyền, trừ các trường hợp nêu tại các khoản 2, 3 và 4 Điều này.

2.[16] Phiếu yêu cầu đăng ký chỉ cần chữ ký, con dấu (nếu có) của một trong các bên tham gia biện pháp bảo đảm, hợp đồng hoặc người được một trong các bên này ủy quyền trong các trường hợp sau đây:

a) Trường hợp một trong các bên tham gia biện pháp bảo đảm, hợp đồng không ký vào Phiếu yêu cầu đăng ký thì người yêu cầu đăng ký gửi Phiếu yêu cầu đăng ký kèm theo bản chính hoặc bản sao có chứng thực hợp đồng bảo đảm, hợp đồng để Trung tâm Đăng ký sao lưu, đối chiếu (01 bản). Trường hợp Phiếu yêu cầu đăng ký được gửi qua thư điện tử thì người yêu cầu đăng ký gửi đính kèm bản quét (scan) từ bản gốc Phiếu yêu cầu đăng ký và các tài liệu kèm theo, bản quét (scan) sử dụng định dạng tệp dữ liệu theo chuẩn kỹ thuật (PDF);

b) Trường hợp yêu cầu đăng ký thay đổi về bên nhận bảo đảm hoặc rút bớt tài sản bảo đảm, đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm, xóa đăng ký biện pháp bảo đảm thì Phiếu yêu cầu đăng ký chỉ cần chữ ký, con dấu (nếu có) của bên nhận bảo đảm hoặc người được bên nhận bảo đảm ủy quyền yêu cầu đăng ký;

c) Trường hợp xóa đăng ký, đăng ký thay đổi rút bớt tài sản bảo đảm mà có nhiều bên nhận bảo đảm nhưng Phiếu yêu cầu đăng ký chỉ có một trong các bên nhận bảo đảm ký thì phải gửi kèm theo văn bản thể hiện sự đồng ý của các bên nhận bảo đảm còn lại về việc xóa đăng ký (như bản chính hoặc bản sao có chứng thực biên bản thanh lý hợp đồng thế chấp hoặc văn bản thông báo giải chấp) hoặc văn bản thể hiện sự đồng ý của các bên nhận bảo đảm còn lại về việc rút bớt tài sản bảo đảm (bản chính hoặc bản sao có chứng thực).

Trường hợp bên nhận bảo đảm không ký vào Phiếu yêu cầu đăng ký thì Phiếu yêu cầu đăng ký chỉ cần chữ ký, con dấu (nếu có) của bên bảo đảm hoặc người được bên bảo đảm ủy quyền và người yêu cầu đăng ký nộp kèm theo văn bản đồng ý xóa đăng ký (như bản chính hoặc bản sao có chứng thực biên bản thanh lý hợp đồng thế chấp hoặc văn bản thông báo giải chấp), văn bản đồng ý

[16] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 8 Điều 1 của Thông tư số 06/2020/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2018/TT-BTP ngày 20 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm, hợp đồng và trao đổi thông tin về đăng ký biện pháp bảo đảm tại các Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2021.

đăng ký thay đổi rút bớt tài sản bảo đảm của bên nhận bảo đảm (bản chính hoặc bản sao có chứng thực);

d) Trường hợp tổ chức không có con dấu mà người ký trên Phiếu yêu cầu đăng ký thay đổi nội dung đã đăng ký, Phiếu yêu cầu sửa chữa sai sót, Phiếu yêu cầu đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm, Phiếu yêu cầu xóa đăng ký không đúng với người ký trên Phiếu yêu cầu đăng ký trước đó thì người yêu cầu đăng ký có trách nhiệm cung cấp văn bản xác định người có thẩm quyền ký trên Phiếu yêu cầu đăng ký (bản chính hoặc bản sao có chứng thực) để sao lưu, đối chiếu.

3.[17] Trường hợp yêu cầu đăng ký thay đổi bên nhận bảo đảm do tổ chức lại doanh nghiệp, mua bán nợ hoặc do chuyển giao quyền yêu cầu, chuyển giao nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật thì Phiếu yêu cầu đăng ký chỉ cần có chữ ký, con dấu (nếu có) của bên nhận bảo đảm mới hoặc của người được bên nhận bảo đảm mới ủy quyền.

4.[18] Trường hợp xóa đăng ký theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 21 của Nghị định số 102/2017/NĐ-CP mà người yêu cầu xóa đăng ký là Cơ quan thi hành án dân sự, Văn phòng thừa phát lại đã kê biên, xử lý tài sản bảo đảm hoặc của cá nhân, pháp nhân mua tài sản thi hành án thì Phiếu yêu cầu đăng ký chỉ cần có chữ ký, con dấu (nếu có) của các tổ chức, cá nhân này hoặc của người được cá nhân, pháp nhân mua tài sản thi hành án ủy quyền. Trong trường hợp này, Cơ quan thi hành án dân sự, Văn phòng thừa phát lại, cá nhân, pháp nhân mua tài sản thi hành án hoặc người được cá nhân, pháp nhân mua tài sản thi hành án ủy quyền ký, đóng dấu (nếu có) tại phần ký nhận của bên nhận bảo đảm trên Phiếu yêu cầu xóa đăng ký.

---

[17] Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 8 Điều 1 của Thông tư số 06/2020/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2018/TT-BTP ngày 20 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm, hợp đồng và trao đổi thông tin về đăng ký biện pháp bảo đảm tại các Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2021.

[18] Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 8 Điều 1 của Thông tư số 06/2020/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2018/TT-BTP ngày 20 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm, hợp đồng và trao đổi thông tin về đăng ký biện pháp bảo đảm tại các Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2021.

Điều 12. Phương thức nộp phí

1.[19] Phương thức thanh toán phí khi thực hiện đăng ký, cung cấp thông tin biện pháp bảo đảm, hợp đồng gồm:

a) Nộp trực tiếp tại Trung tâm Đăng ký nơi nộp Phiếu yêu cầu đăng ký, cung cấp thông tin;

b) Thanh toán trực tuyến trên hệ thống đăng ký trực tuyến;

c) Chuyển tiền vào tài khoản của Trung tâm Đăng ký mở tại Kho bạc Nhà nước hoặc mở tại Ngân hàng.

2.[20] ***(được bãi bỏ)***

3. Trường hợp khách hàng không thực hiện nghĩa vụ thanh toán phí khi thực hiện đăng ký, cung cấp thông tin hoặc không nộp phí cấp mã số sử dụng cơ sở dữ liệu về biện pháp bảo đảm theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí thì Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp sẽ tạm khóa mã số sử dụng cơ sở dữ liệu về biện pháp bảo đảm và chỉ kích hoạt lại mã số sử dụng cơ sở dữ liệu về biện pháp bảo đảm khi khách hàng đã thanh toán đầy đủ phí. Trong thời hạn ba (03) tháng kể từ ngày mã số sử dụng cơ sở dữ liệu về biện pháp bảo đảm bị tạm khóa, nếu khách hàng vẫn không thanh toán phí thì Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp sẽ đóng mã số sử dụng cơ sở dữ liệu về biện pháp bảo đảm.

Điều 13. Đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng; đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm, hợp đồng đã đăng ký; sửa chữa sai sót do lỗi của cơ quan đăng ký; đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm; xóa đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng

1. Trường hợp người yêu cầu đăng ký gửi Phiếu yêu cầu đăng ký và đã được đăng ký nhưng sau đó phát hiện Phiếu yêu cầu đăng ký đó trùng với Phiếu yêu cầu

---

[19] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 9 Điều 1 của Thông tư số 06/2020/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2018/TT-BTP ngày 20 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm, hợp đồng và trao đổi thông tin về đăng ký biện pháp bảo đảm tại các Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2021.

[20] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 2 của Thông tư số 06/2020/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2018/TT-BTP ngày 20 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm, hợp đồng và trao đổi thông tin về đăng ký biện pháp bảo đảm tại các Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2021.

đã đăng ký trước đó thì người yêu cầu đăng ký nộp Phiếu yêu cầu xóa đăng ký đối với những yêu cầu đăng ký trùng lặp. Người yêu cầu đăng ký phải nộp phí đăng ký đối với những yêu cầu đăng ký trùng lặp.

2.[21] Trường hợp đăng ký thay đổi về bên nhận bảo đảm trong nhiều biện pháp bảo đảm đã đăng ký thì người yêu cầu đăng ký có thể nộp một bộ hồ sơ yêu cầu đăng ký thay đổi về bên nhận bảo đảm đối với tất cả các biện pháp bảo đảm đó gồm: Phiếu yêu cầu đăng ký thay đổi nội dung đã đăng ký; văn bản ủy quyền (nếu có); danh mục các số đăng ký cần đăng ký thay đổi.

3. Trường hợp xóa đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng, mà thông tin về một trong các bên hoặc các bên tham gia biện pháp bảo đảm, hợp đồng tại thời điểm xóa đăng ký không phù hợp với thông tin được lưu trữ trong Cơ sở dữ liệu thì người yêu cầu đăng ký thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi trước khi thực hiện thủ tục xóa đăng ký đối với trường hợp đăng ký trực tuyến. Nếu việc đăng ký thực hiện qua phương thức nộp trực tiếp, qua đường bưu điện, qua thư điện tử thì người yêu cầu đăng ký nộp đồng thời Phiếu yêu cầu đăng ký thay đổi và Phiếu yêu cầu xóa đăng ký đến Trung tâm Đăng ký để thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi và xóa đăng ký.

Trong trường hợp bên nhận bảo đảm yêu cầu xóa nhiều biện pháp bảo đảm đã đăng ký, thì người yêu cầu đăng ký chỉ nộp một Phiếu yêu cầu xóa đăng ký; văn bản ủy quyền (nếu có); danh mục các số đăng ký cần xóa.

4.[22] Trường hợp đăng ký thay đổi về thời điểm ký kết hợp đồng bảo đảm hoặc hợp đồng khác thì thời điểm này không được sau thời điểm đăng ký lần đầu của biện pháp bảo đảm hoặc hợp đồng đã đăng ký.

---

[21] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 10 Điều 1 của Thông tư số 06/2020/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2018/TT-BTP ngày 20 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm, hợp đồng và trao đổi thông tin về đăng ký biện pháp bảo đảm tại các Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2021.

[22] Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 10 Điều 1 của Thông tư số 06/2020/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2018/TT-BTP ngày 20 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm, hợp đồng và trao đổi thông tin về đăng ký biện pháp bảo đảm tại các Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2021.

5.[23] Trường hợp biện pháp bảo đảm, hợp đồng đã đăng ký có tài sản là phương tiện có số khung được mô tả theo phiếu xuất xưởng hoặc tờ khai hải quan thì khi phương tiện này được cấp Giấy đăng ký phương tiện mà số khung trên Giấy này khác với số khung đã đăng ký biện pháp bảo đảm trước đó thì người yêu cầu đăng ký thực hiện đăng ký thay đổi thông tin về số khung theo số khung được ghi trên Giấy đăng ký phương tiện theo thủ tục được quy định tại Điều 52 của Nghị định số 102/2017/NĐ-CP.

6.[24] Trường hợp đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng mà trong hồ sơ đăng ký có các tài liệu bằng tiếng nước ngoài thì các tài liệu này phải được dịch ra tiếng Việt có công chứng theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Các trường hợp đăng ký mới khi có sự thay đổi thông tin về nội dung biện pháp bảo đảm đã đăng ký

1. Các trường hợp đăng ký mới khi có sự thay đổi thông tin về nội dung biện pháp bảo đảm đã đăng ký gồm:

a) Ký hợp đồng bảo đảm mới để bổ sung tài sản bảo đảm;

b) Thay đổi số hợp đồng và thời điểm ký kết hợp đồng bảo đảm.

2. Thủ tục đăng ký biện pháp bảo đảm đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện theo quy định tại mục 5 chương II Nghị định số 102/2017/NĐ-CP.

Điều 15. Nộp giấy tờ chứng minh trong trường hợp không phải nộp phí khi thực hiện đăng ký biện pháp bảo đảm

1. Trường hợp người yêu cầu đăng ký không phải nộp phí khi thực hiện đăng ký biện pháp bảo đảm theo quy định của pháp luật mà Phiếu yêu cầu đăng ký được nộp qua phương thức nộp trực tiếp hoặc nộp qua đường bưu điện thì nộp đồng thời một trong các giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều 12 của Nghị định số 102/2017/NĐ-CP.

---

[23] Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 10 Điều 1 của Thông tư số 06/2020/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2018/TT-BTP ngày 20 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm, hợp đồng và trao đổi thông tin về đăng ký biện pháp bảo đảm tại các Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2021.

[24] Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 10 Điều 1 của Thông tư số 06/2020/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2018/TT-BTP ngày 20 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm, hợp đồng và trao đổi thông tin về đăng ký biện pháp bảo đảm tại các Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2021.

2. Trường hợp người yêu cầu đăng ký không phải nộp phí khi thực hiện đăng ký biện pháp bảo đảm theo quy định của pháp luật mà Phiếu yêu cầu đăng ký được nộp qua phương thức thư điện tử hoặc trực tuyến, thì sau khi nhận được kết quả đăng ký, người yêu cầu đăng ký nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện một trong các loại giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP kèm theo bản chụp Văn bản chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng để Trung tâm Đăng ký thực hiện không thu phí.

3. Trường hợp Trung tâm Đăng ký phát hiện giấy tờ chứng minh nêu tại khoản 1 Điều này bị tẩy xóa, rách nát thì Trung tâm Đăng ký thực hiện thu phí đăng ký biện pháp bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Lưu trữ hồ sơ đăng ký

Trung tâm Đăng ký thực hiện việc lưu hồ sơ đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng bằng phương thức lưu trữ điện tử theo quy định tại Luật lưu trữ và Nghị định số 01/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật lưu trữ.

Chương III
CUNG CẤP THÔNG TIN VỀ BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM, HỢP ĐỒNG, TÀI SẢN KÊ BIÊN; TRAO ĐỔI THÔNG TIN VỀ ĐĂNG KÝ BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM

Điều 17. Tiêu chí cung cấp thông tin

Việc cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm, hợp đồng, tài sản kê biên được thực hiện theo các tiêu chí sau đây:

1.[25] Theo số giấy tờ xác định tư cách pháp lý của bên bảo đảm nêu tại khoản 1 Điều 9 của Thông tư này.

2.[26] Theo số khung của phương tiện giao thông hoặc phương tiện chuyên dùng có đăng ký quyền sở hữu, quyền lưu hành tài sản trong trường hợp tài sản bảo đảm là phương tiện giao thông hoặc phương tiện chuyên dùng có số khung.

---

[25] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 11 Điều 1 của Thông tư số 06/2020/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2018/TT-BTP ngày 20 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm, hợp đồng và trao đổi thông tin về đăng ký biện pháp bảo đảm tại các Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2021.

[26] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 11 Điều 1 của Thông tư số 06/2020/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2018/TT-BTP ngày 20 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm, hợp đồng và trao đổi thông tin về đăng ký biện pháp bảo đảm tại các Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2021.

3.[27] Theo số đăng ký của biện pháp bảo đảm, hợp đồng đã được đăng ký.

4.[28] Theo tên của bên bảo đảm nêu tại điểm i và điểm k khoản 1 Điều 9 của Thông tư này.

Điều 18. Phương thức trao đổi thông tin

1. Thông tin về đăng ký biện pháp bảo đảm tại Trung tâm Đăng ký; thông tin về kê biên tài sản thi hành án hoặc thông tin về giải tỏa kê biên tài sản thi hành án tại Cơ quan thi hành án dân sự được gửi theo một trong các phương thức sau đây:

a) Trực tiếp;

b) Qua đường bưu điện;

c) Qua thư điện tử;

d) Qua hệ thống đăng ký trực tuyến.

2. Việc trao đổi thông tin qua thư điện tử được thực hiện sau khi có văn bản thông báo địa chỉ thư điện tử chính thức của bộ phận làm đầu mối trao đổi, tiếp nhận thông tin. Văn bản điện tử là văn bản được số hóa từ văn bản gốc, có chữ ký và con dấu của cơ quan trao đổi thông tin, sử dụng định dạng tệp dữ liệu theo chuẩn kỹ thuật (PDF).

Điều 19. Căn cứ từ chối tiếp nhận trao đổi thông tin

1. Trung tâm Đăng ký từ chối trao đổi thông tin khi có một trong các căn cứ sau đây:

a) Không thuộc phạm vi thông tin được trao đổi theo quy định tại Điều 20 Thông tư này;

b) Phương thức trao đổi thông tin không đúng quy định tại Điều 18 Thông tư này;

c) Văn bản yêu cầu thông báo thế chấp phương tiện giao thông hoặc Văn bản thông báo kê biên, giải tỏa kê biên tài sản thi hành án không kê khai đầy đủ hoặc kê khai không đúng hướng dẫn theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư này.

---

[27] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 11 Điều 1 của Thông tư số 06/2020/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2018/TT-BTP ngày 20 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm, hợp đồng và trao đổi thông tin về đăng ký biện pháp bảo đảm tại các Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2021.

[28] Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 11 Điều 1 của Thông tư số 06/2020/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2018/TT-BTP ngày 20 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm, hợp đồng và trao đổi thông tin về đăng ký biện pháp bảo đảm tại các Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2021.

2. Việc từ chối tiếp nhận thông tin phải được thực hiện bằng văn bản ngay trong ngày nhận được thông tin do cơ quan có thẩm quyền gửi đến, trong đó phải nêu rõ lý do từ chối và hướng dẫn thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Trường hợp nhận thông tin sau 15 giờ thì việc từ chối tiếp nhận thông tin được thực hiện trong ngày làm việc tiếp theo.

Điều 20. Phạm vi thông tin được trao đổi

1. Thông tin do Trung tâm Đăng ký trao đổi gồm:

a)[29] Thông tin về bên bảo đảm gồm tên, số giấy tờ xác định tư cách pháp lý; thông tin về bên nhận bảo đảm là tên được lưu giữ trong cơ sở dữ liệu về biện pháp bảo đảm;

b)[30] Thông tin về phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, phương tiện thủy nội địa, tàu cá, phương tiện giao thông đường sắt, phương tiện chuyên dùng gồm: Số khung, số máy (nếu có), biển số xe, tên phương tiện đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, phương tiện chuyên dùng có đăng ký quyền sở hữu, quyền lưu hành tài sản; tên phương tiện, số đăng ký, năm và nơi đóng, chiều dài, chiều rộng, chiều cao mạn, trọng tải toàn phần, công suất máy chính (nếu có) đối với phương tiện thủy nội địa, tàu cá; tên phương tiện, số đăng ký, số động cơ, kiểu loại động cơ (nếu có) đối với phương tiện là đầu máy và các phương tiện động lực chuyên dùng, số đăng ký đối với phương tiện là toa xe, toa xe gòong (nếu có);

c) Thời điểm đăng ký biện pháp bảo đảm.

2. Tài sản kê biên được trao đổi và thông tin liên quan đến tài sản kê biên do Cơ quan thi hành án dân sự trao đổi theo quy định của Thông tư này gồm:

a) Tài sản kê biên được trao đổi là tài sản mà theo quy định của pháp luật, Chấp hành viên phải thông báo cho Trung tâm Đăng ký khi ra quyết định kê biên và được ghi tại biên bản kê biên đối với các tài sản quy định tại Điều 6 của Thông

---

[29] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 12 Điều 1 của Thông tư số 06/2020/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2018/TT-BTP ngày 20 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm, hợp đồng và trao đổi thông tin về đăng ký biện pháp bảo đảm tại các Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2021.

[30] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 12 Điều 1 của Thông tư số 06/2020/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2018/TT-BTP ngày 20 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm, hợp đồng và trao đổi thông tin về đăng ký biện pháp bảo đảm tại các Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2021.

tư này, trừ các trường hợp tài sản kê biên đã được giao cho cá nhân, tổ chức có điều kiện bảo quản hoặc đã được bảo quản tại kho của Cơ quan thi hành án dân sự; hoặc tổng giá trị tài sản theo quyết định kê biên do Chấp hành viên tạm tính dưới 30 tháng lương tối thiểu do Nhà nước quy định;

b) Thông tin liên quan đến tài sản kê biên do Cơ quan thi hành án dân sự trao đổi gồm: Quyết định kê biên hoặc Quyết định giải tỏa kê biên tài sản thi hành án (Ngày, tháng, năm ký Quyết định; Số Quyết định); thông tin về người phải thi hành án (chủ sở hữu tài sản), thông tin về tài sản kê biên được kê khai theo quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 9 và Điều 10 của Thông tư này.

Điều 21. Kê khai thông tin trên Văn bản thông báo việc kê biên tài sản thi hành án hoặc giải tỏa kê biên thi hành án

1. Tại mục "Người thông báo" của mẫu Văn bản thông báo việc kê biên tài sản để thi hành án, đánh dấu lựa chọn người có trách nhiệm thông báo việc kê biên tài sản theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

2. Thông tin về người phải thi hành án được kê khai theo hướng dẫn tại khoản 1 Điều 9 của Thông tư này.

3. Thông tin về Chấp hành viên thực hiện việc thông báo kê biên: Họ và tên; địa chỉ cơ quan làm việc.

Điều 22. Tiếp nhận và xử lý thông tin được trao đổi

1.[31] Trường hợp có yêu cầu gửi thông báo thế chấp tài sản là phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, phương tiện chuyên dùng có đăng ký quyền sở hữu, quyền lưu hành tài sản, phương tiện thủy nội địa, tàu cá, phương tiện giao thông đường sắt thì Trung tâm Đăng ký gửi bản sao văn bản chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng, thông báo kê biên tài sản thi hành án kèm theo Phụ lục thông tin tài sản thế chấp (hoặc xóa thế chấp) là phương tiện giao thông đến cơ quan đăng ký quyền sở hữu, quyền lưu hành tài sản.

Sau khi nhận được văn bản thông báo kết quả tiếp nhận, giải quyết thông tin về tài sản bảo đảm do cơ quan đăng ký quyền sở hữu, quyền lưu hành tài sản gửi đến, Trung tâm Đăng ký gửi văn bản thông báo kết quả tiếp nhận, giải quyết thông tin về tài sản bảo đảm đó cho người yêu cầu đăng ký.

---

[31] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 13 Điều 1 của Thông tư số 06/2020/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2018/TT-BTP ngày 20 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm, hợp đồng và trao đổi thông tin về đăng ký biện pháp bảo đảm tại các Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2021.

2. Trường hợp Cơ quan thi hành án dân sự gửi Thông báo kê biên hoặc giải tỏa kê biên tài sản thi hành án đến Trung tâm Đăng ký qua phương thức trực tiếp, bưu điện, thư điện tử, thì Trung tâm Đăng ký ghi vào Sổ tiếp nhận việc trao đổi, cung cấp thông tin về tài sản bảo đảm; cập nhật thông tin theo Thông báo kê biên hoặc giải tỏa kê biên tài sản thi hành án vào cơ sở dữ liệu về biện pháp bảo đảm và lưu trữ, quản lý văn bản trao đổi thông tin theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Cơ quan thi hành án dân sự gửi Thông báo kê biên hoặc giải tỏa kê biên tài sản thi hành án đến Trung tâm Đăng ký qua hệ thống trực tuyến thì Chấp hành viên thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 56 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP.

3. Khi tiếp nhận Văn bản thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, trong trường hợp người thực hiện đăng ký phát hiện có giao dịch, hợp đồng được đăng ký theo tên của người phải thi hành án trong thời gian từ khi Chấp hành viên xác minh về tài sản dự định kê biên đến khi Trung tâm Đăng ký nhận được Văn bản thông báo việc kê biên tài sản thi hành án, thì Trung tâm Đăng ký thông báo bằng văn bản cho Chấp hành viên về các giao dịch, hợp đồng đó cùng với việc trả kết quả văn bản thông báo việc kê biên tài sản.

4. Trường hợp Chấp hành viên đã gửi Văn bản thông báo việc kê biên tài sản thi hành án nhưng sau đó phát hiện văn bản thông báo đó trùng với văn bản đã thông báo trước đó thì Chấp hành viên nộp một Phiếu yêu cầu xóa thông báo cho Trung tâm Đăng ký hoặc thực hiện việc xóa thông báo đó trên Biểu mẫu điện tử tương tác của hệ thống đăng ký trực tuyến.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành[32]

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 04 tháng 8 năm 2018 và thay thế các Thông tư sau đây:

1. Thông tư số 22/2010/TT-BTP ngày 06 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn về đăng ký, cung cấp thông tin trực tuyến giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án.

---

[32] Điều 3 của Thông tư số 06/2020/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2018/TT-BTP ngày 20 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm, hợp đồng và trao đổi thông tin về đăng ký biện pháp bảo đảm tại các Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2021 quy định như sau:

*"**Điều 3. Hiệu lực thi hành***

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2021."

2. Thông tư số 05/2011/TT-BTP ngày 16 tháng 02 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án theo phương thức trực tiếp, bưu điện, fax, thư điện tử tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp.

3. Thông tư số 08/2014/TT-BTP ngày 26 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2011/TT-BTP ngày 16 tháng 02 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án theo phương thức trực tiếp, bưu điện, fax, thư điện tử tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp và Thông tư số 22/2010/TT-BTP ngày 06 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn về đăng ký, cung cấp thông tin trực tuyến giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án.

4. Thông tư số 11/2015/TT-BTP ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2014/TT-BTP ngày 26 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2011/TT-BTP ngày 16 tháng 02 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án theo phương thức trực tiếp, bưu điện, fax, thư điện tử tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp và Thông tư số 22/2010/TT-BTP ngày 06 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn về đăng ký, cung cấp thông tin trực tuyến giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án.

Điều 24. Điều khoản chuyển tiếp

1. Trường hợp các giao dịch bảo đảm, hợp đồng đã được đăng ký trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành mà vẫn còn hiệu lực, thì tổ chức, cá nhân không phải thực hiện đăng ký lại các biện pháp bảo đảm, hợp đồng đó theo quy định của Thông tư này.

2. Trường hợp biện pháp cầm cố đã được đăng ký trước ngày Thông tư này có hiệu lực mà có yêu cầu đăng ký thay đổi nội dung đã đăng ký, trừ trường hợp bổ sung tài sản cầm cố; sửa chữa sai sót do lỗi của người thực hiện đăng ký; đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản cầm cố; xóa đăng ký cầm cố thì việc đăng ký như các biện pháp bảo đảm khác theo quy định của Thông tư này.

3. Trường hợp biện pháp bảo đảm, hợp đồng đã được đăng ký mà người yêu cầu đăng ký có yêu cầu cấp lại mã pin thì Trung tâm Đăng ký cấp mã pin cho người có yêu cầu.

4.[33] Kể từ ngày Luật Chứng khoán năm 2019 và Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán có hiệu lực, Trung tâm Đăng ký thực hiện đăng ký biện pháp bảo đảm đối với chứng khoán khác chưa đăng ký tập trung tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam theo quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Chứng khoán.

Điều 25. Trách nhiệm thi hành

1. Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp có trách nhiệm hướng dẫn việc cấp mã số cơ sở dữ liệu về biện pháp bảo đảm cho cá nhân, pháp nhân có yêu cầu.

2. Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp có trách nhiệm tổ chức triển khai việc đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm, hợp đồng và trao đổi thông tin về đăng ký biện pháp bảo đảm tại các Trung tâm Đăng ký theo quy định tại Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị cá nhân, tổ chức phản ánh kịp thời về Bộ Tư pháp để nghiên cứu, giải quyết./.

BỘ TƯ PHÁP

Số: 290/VBHN-BTP

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 01 tháng 02 năm 2021
KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Khánh Ngọc

[33] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 14 Điều 1 của Thông tư số 06/2020/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2018/TT-BTP ngày 20 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số vấn đề về đăng ký, cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm, hợp đồng và trao đổi thông tin về đăng ký biện pháp bảo đảm tại các Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản của Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm thuộc Bộ Tư pháp, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2021.

Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

PHIẾU YÊU CẦU ĐĂNG KÝ
BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM, HỢP ĐỒNG
(Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2018/TT-BTP ngày 20/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

Kính gửi: **Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại**.....

PHẦN GHI CỦA TRUNG TÂM ĐĂNG KÝ
Số tiếp nhận: Thời điểm tiếp nhận: _ _ *giờ* _ _ *phút, ngày* _ _ _ /_ _ _ /_ _ _ Người tiếp nhận *(ký và ghi rõ họ, tên)*:

❶ Thông tin chung

1.1. Loại hình đăng ký (*):

☐ Biện pháp bảo đảm ☐ Hợp đồng

1.2. Người yêu cầu đăng ký (*):

☐ Bên bảo đảm ☐ Bên nhận bảo đảm ☐ Người được ủy quyền

1.3. Mã số sử dụng CSDL về biện pháp bảo đảm *(nếu có)*:.....

1.4. Nhận kết quả đăng ký: ☐ Trực tiếp tại cơ quan đăng ký

☐ Qua đường bưu điện *(ghi tên và địa chỉ người nhận)*:.....

.....

☐ Phương thức khác *(sau khi thỏa thuận với cơ quan đăng ký)*: .....

.....

1.5 Yêu cầu cung cấp thông tin có xác nhận của cơ quan đăng ký

1.6. Người để cơ quan đăng ký liên hệ khi cần thiết:

Họ và tên:..... Số điện thoại:..... Thư điện tử:.....

❷ Bên bảo đảm

Tên đầy đủ *(viết chữ IN HOA)* (*) .....

Địa chỉ (*) .....

☐ CMND/Căn cước công dân ☐ Hộ chiếu ☐ Số Thẻ thường trú

☐ Mã số thuế

Số (*) ..... do..... cấp ngày...../...../.....

❸ Bên nhận bảo đảm

Tên đầy đủ *(viết chữ IN HOA)* (*) .....

Địa chỉ (*) .....

☐ CMND/Căn cước công dân ☐ Hộ chiếu ☐ Số Thẻ thường trú

☐ Mã số thuế

Số..... do ..... cấp ngày...../...../.....

Mẫu số 01

❹ Mô tả tài sản bảo đảm(*)

4.1. Áp dụng đối với mọi loại tài sản bảo đảm:

.....

.....

.....

.....

4.2. Mô tả tài sản bảo đảm là phương tiện giao thông cơ giới theo số khung của phương tiện (nếu kê khai tại điểm này thì không kê khai tại điểm 4.1):

TT	Loại phương tiện giao thông cơ giới, nhãn hiệu	Biển số	Số khung(*)	Số máy	Tên và địa chỉ cơ quan tiếp nhận thông báo

4.3. Yêu cầu thông báo thế chấp phương tiện giao thông với cơ quan có thẩm quyền:

☐ Yêu cầu thông báo thế chấp phương tiện giao thông đối với toàn bộ tài sản bảo đảm

☐ Yêu cầu thông báo thế chấp phương tiện giao thông đối với một phần tài sản bảo đảm

Tên và địa chỉ cơ quan tiếp nhận thông báo:

❺ Hợp đồng bảo đảm/hợp đồng khác(*)

Số:..... ký ngày..... tháng..... năm.....

❻Kèm theo phiếu yêu cầu gồm có:		***Người tiếp nhận kiểm tra***
Phụ lục số 01	gồm..... trang	☐
Phụ lục số 02	gồm..... trang	☐
Phụ lục số 03	gồm..... trang	☐
Văn bản ủy quyền	gồm..... trang	☐
Hợp đồng bảo đảm/hợp đồng	gồm..... trang	☐
Chứng từ nộp phí đăng ký, phí yêu cầu cung cấp thông tin		☐
Giấy tờ chứng minh trường hợp không phải nộp phí đăng ký		☐

❼ Người yêu cầu đăng ký cam đoan những thông tin được kê khai trong đơn này là trung thực, phù hợp với thỏa thuận của các bên tham gia biện pháp bảo đảm, hợp đồng và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin đã kê khai.

BÊN BẢO ĐẢM	**BÊN NHẬN BẢO ĐẢM**
(HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN)	**(HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN)**
Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)	*Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)*

Mẫu số 01

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI

1. Hướng dẫn chung

a) Nội dung kê khai rõ ràng, không tẩy xóa.

b) Đối với phần kê khai mà có nhiều cách lựa chọn khác nhau thì đánh dấu (X) vào ô vuông tương ứng với nội dung lựa chọn.

c) Bắt buộc phải kê khai tại các mục đánh dấu (*); không bắt buộc kê khai tại các mục còn lại.

d) Tại điểm 1.3: Nếu người yêu cầu đăng ký đã được cấp Mã số sử dụng cơ sở dữ liệu về đăng ký biện pháp bảo đảm thì phải kê khai Mã số sử dụng cơ sở dữ liệu về đăng ký biện pháp bảo đảm do Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm cấp.

đ) Tại điểm 1.4: Trong trường hợp người yêu cầu đăng ký không đánh dấu vào một trong ba ô vuông tại điểm này hoặc đánh dấu vào ô vuông "Qua đường bưu điện", nhưng không kê khai về tên và địa chỉ người nhận thì kết quả đăng ký được trả trực tiếp tại cơ quan đăng ký.

2. Kê khai tại mục ❷ và mục ❸ (các bên tham gia biện pháp bảo đảm, hợp đồng)

a) Việc kê khai tên, số giấy tờ xác định tư cách pháp lý (Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, Mã số thuế...) của các bên tham gia biện pháp bảo đảm, hợp đồng thực hiện theo hướng dẫn tại Điều.... Thông tư số... ngày....

b) Trong trường hợp không còn chỗ để kê khai về các bên tham gia biện pháp bảo đảm, hợp đồng thì sử dụng Phụ lục số 01 để tiếp tục kê khai.

c) Tùy từng loại hình đăng ký, việc kê khai bên bảo đảm và bên nhận bảo đảm **tại mục ❷ và mục ❸** được hiểu như sau:

- Kê khai về bên bảo đảm gồm: Bên bảo đảm, bên mua tài sản có bảo lưu quyền sở hữu, bên thuê tài sản, bên thuê tài chính, bên chuyển giao quyền đòi nợ.

- Kê khai về bên nhận bảo đảm gồm: Bên nhận bảo đảm, bên bán tài sản có bảo lưu quyền sở hữu, bên cho thuê tài sản, bên cho thuê tài chính, bên nhận chuyển giao quyền đòi nợ.

3. Kê khai tại mục ❹ - Tài sản bảo đảm

a) Trường hợp có nhiều tài sản bảo đảm khác nhau, nhưng có thể mô tả chung theo tính chất, đặc điểm của các tài sản đó thì người yêu cầu đăng ký có quyền lựa chọn mô tả chung về những tài sản đó hoặc mô tả chi tiết về từng tài sản.

Mẫu số 01

b) Đối với tài sản bảo đảm là phương tiện giao thông cơ giới:

- Trường hợp tài sản bảo đảm là phương tiện giao thông cơ giới có số khung là hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh của bên bảo đảm hoặc là tài sản hình thành trong tương lai; tài sản bảo đảm là phương tiện giao thông cơ giới không có số khung thì mô tả tại điểm 4.1 *(ví dụ: toàn bộ các phương tiện giao thông cơ giới tại Cửa hàng X; 01 chiếc xe ô tô Ford màu trắng là tài sản hình thành trong tương lai của ông Nguyễn Văn X...)*

- Trường hợp tài sản bảo đảm là phương tiện giao thông cơ giới có số khung thì mô tả chi tiết về tài sản tại điểm 4.2.

c) Trường hợp tại điểm 4.1 không đủ để kê khai thì sử dụng Phụ lục số 02; trường hợp tại điểm 4.2 không đủ để kê khai thì sử dụng Phụ lục số 03 để tiếp tục kê khai.

d) Trường hợp có yêu cầu thông báo việc thế chấp phương tiện giao thông đối với toàn bộ tài sản bảo đảm thì đánh dấu vào ô vuông lựa chọn yêu cầu thông báo việc thế chấp tại điểm 4.3, đồng thời kê khai đầy đủ tên và địa chỉ cơ quan tiếp nhận thông báo

Trường hợp có yêu cầu thông báo việc thế chấp phương tiện giao thông đối với một phần tài sản bảo đảm được mô tả theo số khung của phương tiện tại điểm 4.2 thì đánh dấu lựa chọn thông báo đối với một phần tài sản bảo đảm được kê khai tại điểm 4.3, đồng thời phải kê khai đầy đủ thông tin về số máy, biển số của phương tiện; tên và địa chỉ cơ quan tiếp nhận thông báo tương ứng với từng phương tiện được lựa chọn.

4. Kê khai tại mục ❺: Mỗi đơn yêu cầu chỉ đăng ký cho một biện pháp bảo đảm hoặc hợp đồng (một hợp đồng và các phụ lục của hợp đồng đó, nếu có).

Mẫu số 02

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

PHIẾU YÊU CẦU ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NỘI DUNG ĐÃ ĐĂNG KÝ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2018/TT-BTP ngày 20/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

Kính gửi: **Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại** .....

PHẦN GHI CỦA TRUNG TÂM ĐĂNG KÝ
Số tiếp nhận: Thời điểm tiếp nhận: _ _ *giờ* _ _ *phút, ngày* _ _ _ /_ _ _ /_ _ _ Người tiếp nhận *(ký và ghi rõ họ, tên)*:

❶ Thông tin chung

1.1. Người yêu cầu đăng ký (*):
☐ Bên bảo đảm ☐ Bên nhận bảo đảm ☐ Người được ủy quyền

1.2. Mã số sử dụng CSDL về biện pháp bảo đảm *(nếu có)*:.....

1.3. Nhận kết quả đăng ký (*): ☐ Trực tiếp tại cơ quan đăng ký, hoặc
☐ Qua đường bưu điện *(ghi tên và địa chỉ người nhận):* .....
.....
☐ Phương thức khác *(sau khi thỏa thuận với cơ quan đăng ký):*
.....

1.4. Người để cơ quan đăng ký liên hệ khi cần thiết:
Họ và tên:..... Số điện thoại:..... Thư điện tử:.....

❷ Biện pháp bảo đảm, hợp đồng đã đăng ký (*)
Số đăng ký:.....

❸ Nội dung thay đổi

3.1. Nội dung yêu cầu thay đổi (*):

☐ Thay đổi thông tin về một hay các bên: *Kê khai tiếp tại điểm 3.4*
☐ Thay đổi một hay các bên (thay thế, bổ sung hoặc rút bớt): *Kê khai tiếp tại điểm 3.3 và/hoặc điểm 3.4*
☐ Thay đổi tài sản (rút bớt/bổ sung tài sản mà không ký HĐ mới): *Kê khai tiếp tại điểm 3.2 và/hoặc điểm 3.4*
☐ Thay đổi do sửa chữa sai sót nội dung đã kê khai: *Kê khai tiếp tại điểm 3.4*
☐ Thay đổi các nội dung khác đã đăng ký: *Kê khai tiếp tại điểm 3.4*

3.2. Kê khai thay đổi liên quan đến phương tiện giao thông cơ giới được mô tả theo số khung:

TT	Loại phương tiện giao thông cơ giới, nhãn hiệu	Số máy	Biển số	Số khung (*)	Ghi chú (*) *(Là tài sản mới bổ sung, hay rút bớt)*	Tên và địa chỉ cơ quan nhận thông báo

Mẫu số 02

3.3. Kê khai bên tham gia biện pháp bảo đảm, hợp đồng mới *(do thay thế, bổ sung)*:
☐ Bên bảo đảm; ☐ Bên nhận bảo đảm
Tên đầy đủ *(viết chữ IN HOA)* .....
.....
Địa chỉ .....
.....
☐ CMND/Căn cước công dân ☐ Hộ chiếu ☐ Thẻ thường trú ☐ Mã số thuế
Số ..... do ..... cấp ngày...../...../.....

3.4. Kê khai nội dung thay đổi khác
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

3.5. Yêu cầu thông báo việc thế chấp
☐ Yêu cầu thông báo thế chấp phương tiện giao thông đối với một phần tài sản bảo đảm thay đổi
☐ Yêu cầu thông báo thế chấp phương tiện giao thông đối với toàn bộ tài sản bảo đảm thay đổi
Tên và địa chỉ cơ quan tiếp nhận thông báo:

❹ **Kèm theo phiếu yêu cầu gồm có:**		***Người tiếp nhận kiểm tra***
Phụ lục số 01	gồm..... trang	☐
Phụ lục số 02	gồm..... trang	☐
Phụ lục số 03	gồm..... trang	☐
Văn bản ủy quyền	gồm..... trang	☐
Hợp đồng bảo đảm/hợp đồng	gồm..... trang	☐
Chứng từ nộp phí đăng ký		☐
Giấy tờ chứng minh trường hợp không phải nộp phí đăng ký		☐

❺ ***Người yêu cầu đăng ký cam đoan những thông tin được kê khai trong đơn yêu cầu đăng ký này là trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin đã kê khai.***

BÊN BẢO ĐẢM
(HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN)
Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

BÊN NHẬN BẢO ĐẢM
(HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN)
Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số 02

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI

1. Hướng dẫn chung

a) Nội dung kê khai rõ ràng, không tẩy xóa.

b) Đối với phần kê khai mà có nhiều cách lựa chọn khác nhau thì đánh dấu (X) vào ô vuông tương ứng với nội dung lựa chọn.

c) Bắt buộc phải kê khai tại các mục đánh dấu (*); không bắt buộc kê khai tại các mục còn lại.

d) Tại điểm 1.2: Nếu người yêu cầu đăng ký đã được cấp Mã số sử dụng cơ sở dữ liệu về biện pháp bảo đảm thì phải kê khai mã số sử dụng cơ sở dữ liệu về biện pháp bảo đảm do Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm cấp.

đ) Tại điểm 1.3: Trong trường hợp người yêu cầu đăng ký không đánh dấu vào một trong ba ô vuông tại điểm này hoặc đánh dấu vào ô vuông "Qua đường bưu điện", nhưng không kê khai về tên và địa chỉ người nhận thì kết quả đăng ký được trả trực tiếp tại cơ quan đăng ký.

2. Kê khai tại mục ❷ Biện pháp bảo đảm, hợp đồng đã đăng ký: Kê khai về số đăng ký của biện pháp bảo đảm, hợp đồng đã đăng ký do cơ quan đăng ký cấp.

3. Kê khai tại mục ❸ - Nội dung thay đổi

3.1. Tại điểm 3.1: Đánh dấu vào ô vuông tương ứng với nội dung yêu cầu thay đổi.

3.2. Thay đổi tên, số của giấy tờ xác định tư cách pháp lý của một hay các bên (thay đổi theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, ví dụ: thay đổi do sáp nhập hoặc chia tách doanh nghiệp, thay đổi ngành nghề kinh doanh...): Kê khai về tên và số giấy tờ xác định tư cách pháp lý của bên đó theo đúng nội dung đã đăng ký, đồng thời kê khai về tên hoặc (và) số giấy tờ xác định tư cách pháp lý được thay đổi tại điểm 3.4. *(Ví dụ: Nguyễn Văn A, số CMND 123. Yêu cầu thay đổi số CMND là 234 hoặc yêu cầu thay đổi tên là Nguyễn Văn B).*

3.3. Thay đổi về các bên:

a) Nếu nội dung thay đổi là rút bớt bên tham gia biện pháp bảo đảm, hợp đồng thì chỉ phải kê khai về tên của bên bị rút bớt tại điểm 3.4, theo đúng nội dung đã đăng ký.

b) Nếu nội dung thay đổi là thay thế bên tham gia biện pháp bảo đảm, hợp đồng thì phải kê khai tên của bên bị thay thế tại điểm 3.4, theo đúng nội dung đã đăng ký; đồng thời phải kê khai đầy đủ thông tin về bên thay thế tại điểm 3.3.

Mẫu số 02

c) Nếu nội dung thay đổi là bổ sung bên tham gia giao dịch bảo đảm thì phải kê khai đầy đủ thông tin về bên bổ sung tại điểm 3.3.

Việc kê khai về bên thay thế, bên bổ sung thực hiện theo hướng dẫn tại các điểm a và b mục 2 phần Hướng dẫn kê khai của Phiếu yêu cầu đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng (Mẫu số 01).

3.4. Thay đổi tài sản:

a) Nếu nội dung thay đổi là rút bớt tài sản bảo đảm (rút một hoặc một số tài sản bảo đảm) thì kê khai về tài sản rút bớt theo đúng nội dung đã đăng ký về tài sản. Nếu tài sản bảo đảm là phương tiện giao thông cơ giới và được mô tả theo số khung của phương tiện trong biện pháp bảo đảm, hợp đồng đã đăng ký thì mô tả về tài sản rút bớt tại điểm 3.2. Nếu tài sản bảo đảm là tài sản khác và phương tiện giao thông cơ giới, nhưng không được mô tả theo số khung của phương tiện trong giao dịch bảo đảm đã đăng ký thì mô tả về tài sản rút bớt tại điểm 3.4.

b) Nếu nội dung thay đổi là bổ sung tài sản bảo đảm thì mô tả về tài sản bổ sung theo những nội dung tương tự như hướng dẫn tại các điểm a và b mục 3 phần Hướng dẫn kê khai của Phiếu yêu cầu đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng (Mẫu số 01). Tài sản bổ sung được kê khai tại điểm 3.4.

Trong trường hợp mô tả chi tiết tài sản bổ sung là phương tiện giao thông cơ giới theo số khung thì mô tả về phương tiện tại điểm 3.2.

c) Ghi rõ nội dung thay đổi là rút bớt hay bổ sung tại cột Ghi chú, nếu mô tả về tài sản thay đổi tại điểm 3.2; tại phần mô tả về tài sản thay đổi, nếu mô tả về tài sản thay đổi tại điểm 3.4.

3.5. Thay đổi các nội dung khác: Kê khai đồng thời về nội dung bị thay đổi và nội dung thay đổi tại điểm 3.4.

3.6. Yêu cầu thông báo việc thế chấp

Trường hợp có yêu cầu thông báo việc thế chấp phương tiện giao thông đối với toàn bộ tài sản bảo đảm thì đánh dấu vào ô vuông lựa chọn yêu cầu thông báo việc thế chấp tại điểm 3.5, đồng thời kê khai đầy đủ tên và địa chỉ cơ quan tiếp nhận thông báo

Trường hợp có yêu cầu thông báo việc thế chấp phương tiện giao thông đối với một phần tài sản bảo đảm được mô tả theo số khung của phương tiện tại điểm 3.2 thì đánh dấu lựa chọn thông báo đối với một phần tài sản bảo đảm được kê khai tại điểm 3.5, đồng thời phải kê khai đầy đủ thông tin về số máy, biển số của phương tiện; tên và địa chỉ cơ quan tiếp nhận thông báo tương ứng với từng phương tiện được lựa chọn

3.7. Nếu phần kê khai tại điểm 3.2 không đủ thì sử dụng Phụ lục số 03, nếu phần kê khai tại điểm 3.3 không đủ thì sử dụng Phụ lục số 01, nếu phần kê khai tại điểm 3.4 không đủ thì sử dụng Phụ lục số 02 để tiếp tục kê khai về nội dung thay đổi.

Mẫu số 03

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

PHIẾU YÊU CẦU
SỬA CHỮA SAI SÓT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2018/TT-BTP ngày 20/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

Kính gửi: **Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại**.....

PHẦN GHI CỦA TRUNG TÂM ĐĂNG KÝ
Số tiếp nhận:
Thời điểm tiếp nhận: __ giờ __ phút, ngày ___/___/___
Người tiếp nhận *(ký và ghi rõ họ, tên)*:

❶ Thông tin chung

1.1. Người yêu cầu(*):

☐ Bên bảo đảm ☐ Bên nhận bảo đảm ☐ Người được ủy quyền

1.2. Mã số sử dụng CSDL về biện pháp bảo đảm *(nếu có)*:.....

1.3. Nhận kết quả đăng ký:

☐ Trực tiếp tại cơ quan đăng ký

☐ Qua đường bưu điện *(ghi tên và địa chỉ người nhận)*:.....
.....

☐ Phương thức khác *(sau khi thỏa thuận với cơ quan đăng ký)*:.....
.....

1.4. Người để cơ quan đăng ký liên hệ khi cần thiết:

Họ và tên:..... Số điện thoại:..... Thư điện tử:.....

❷ Biện pháp bảo đảm, hợp đồng đã đăng ký(*)

Số đăng ký:.....

❸ Nội dung sửa chữa sai sót *(kê khai về nội dung sai sót và nội dung yêu cầu sửa chữa)*(*):

.....
.....
.....

❹ Kèm theo đơn yêu cầu gồm có:	***Người tiếp nhận kiểm tra***
Văn bản ủy quyền gồm..... trang	☐ ☐

❺ Người yêu cầu đăng ký cam đoan những thông tin được kê khai trong đơn yêu cầu đăng ký này là trung thực, đầy đủ và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin đã kê khai.

BÊN BẢO ĐẢM
(HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN)
Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

BÊN NHẬN BẢO ĐẢM
(HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN)
Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số 03

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI

1. Hướng dẫn chung

a) Nội dung kê khai rõ ràng, không tẩy xóa.

b) Đối với phần kê khai mà có nhiều cách lựa chọn khác nhau thì đánh dấu (X) vào ô vuông tương ứng với nội dung lựa chọn.

c) Bắt buộc phải kê khai tại các mục đánh dấu (*); không bắt buộc kê khai tại các mục còn lại.

d) Tại điểm 1.3: Nếu người yêu cầu đăng ký đã được cấp Mã số sử dụng cơ sở dữ liệu về biện pháp bảo đảm thì phải kê khai Mã số sử dụng cơ sở dữ liệu về biện pháp bảo đảm do Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm cấp.

đ) Tại điểm 1.4: Trong trường hợp người yêu cầu đăng ký không đánh dấu vào một trong ba ô vuông tại điểm này hoặc đánh dấu vào ô vuông "Qua đường bưu điện", nhưng không kê khai về tên và địa chỉ người nhận thì kết quả đăng ký được trả trực tiếp tại cơ quan đăng ký.

2. Kê khai tại mục ❷ - Biện pháp bảo đảm, hợp đồng đã đăng ký

Kê khai về số đăng ký của biện pháp bảo đảm, hợp đồng đã đăng do cơ quan đăng ký cấp.

3. Kê khai tại mục ❸ - Nội dung sửa chữa sai sót

- Kê khai về nội dung bị sai sót và nội dung yêu cầu sửa chữa.

- Mỗi nội dung sai sót và nội dung yêu cầu sửa chữa phải đánh số thứ tự và được kê khai cách nhau 01 dòng *(ví dụ, 01. nội dung "A" sửa thành "A1"; 02. "xe ô tô màu xanh" sửa thành "xe ô tô màu vàng")*.

Mẫu số 04

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

PHIẾU YÊU CẦU ĐĂNG KÝ VĂN BẢN THÔNG BÁO VỀ VIỆC XỬ LÝ TÀI SẢN BẢO ĐẢM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2018/TT-BTP ngày 20/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

Kính gửi: **Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại**.....

PHẦN GHI CỦA TRUNG TÂM ĐĂNG KÝ
Số tiếp nhận: Thời điểm tiếp nhận: *__giờ__ phút, ngày ___/___/___* Người tiếp nhận *(ký và ghi rõ họ, tên)*:

❶ Thông tin chung

1.1. Người yêu cầu đăng ký(*):

☐ Bên bảo đảm ☐ Bên nhận bảo đảm ☐ Người được ủy quyền

1.2. Mã số sử dụng CSDL về biện pháp bảo đảm *(nếu có)*:.....

1.3. Nhận kết quả đăng ký: ☐ Trực tiếp tại cơ quan đăng ký, hoặc

☐ Qua đường bưu điện *(ghi tên và địa chỉ người nhận):*.....

.....

☐ Phương thức khác *(sau khi thỏa thuận với cơ quan đăng ký):*

1.4. Người để cơ quan đăng ký liên hệ khi cần thiết:

Họ và tên:.....

Số điện thoại: ..... Thư điện tử:.....

❷ Biện pháp bảo đảm, hợp đồng đã đăng ký(*)

Số đăng ký: .....

❸ Tài sản bảo đảm bị xử lý(*)

3.1. ☐ Xử lý toàn bộ tài sản bảo đảm

3.2. ☐ Xử lý một phần tài sản bảo đảm, gồm:

Mô tả tài sản bị xử lý:

.....

.....

.....

Mẫu số 04

Mô tả tài sản bị xử lý là phương tiện giao thông cơ giới theo số khung:

TT	Loại phương tiện; nhãn hiệu	Biển số	Số khung(*)	Số máy

3.3. Phương thức xử lý(*):.....

.....

3.4. Ngày xử lý(*):.....

3.5. Địa điểm xử lý:(*).....

❹ **Kèm theo phiếu yêu cầu gồm có:**		***Người tiếp nhận kiểm tra***
Phụ lục số 02	gồm..... trang	☐
Phụ lục số 03	gồm..... trang	☐
Văn bản ủy quyền	gồm..... trang	☐
Chứng từ nộp phí đăng ký		☐
Giấy tờ chứng minh trường hợp không phải nộp phí đăng ký		☐

❺ ***Người yêu cầu đăng ký cam đoan những thông tin được kê khai trong đơn yêu cầu đăng ký này là trung thực, đầy đủ và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin đã kê khai.***

BÊN BẢO ĐẢM
(HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN)
Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

BÊN NHẬN BẢO ĐẢM
(HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN)
Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số 04

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI

1. Hướng dẫn chung

a) Nội dung kê khai rõ ràng, không tẩy xóa.

b) Đối với phần kê khai mà có nhiều cách lựa chọn khác nhau thì đánh dấu (X) vào ô vuông tương ứng với nội dung lựa chọn.

c) Không bắt buộc phải kê khai tại các mục đánh dấu (*); phải kê khai tại các mục còn lại.

d) Tại điểm 1.2: Nếu người yêu cầu đăng ký đã được cấp mã số sử dụng cơ sở dữ liệu về biện pháp bảo đảm thì phải kê khai mã số sử dụng cơ sở dữ liệu về biện pháp bảo đảm do Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm cấp.

đ) Tại điểm 1.3: Trong trường hợp người yêu cầu đăng ký không đánh dấu vào một trong ba ô vuông tại điểm này hoặc đánh dấu vào ô vuông "Qua đường bưu điện", nhưng không kê khai về tên và địa chỉ người nhận thì kết quả đăng ký được trả trực tiếp tại cơ quan đăng ký.

2. Kê khai tại mục ❷ - Biện pháp bảo đảm, hợp đồng đã đăng ký: Kê khai về số đăng ký của biện pháp bảo đảm, hợp đồng đã đăng ký do cơ quan đăng ký cấp.

3. Kê khai tại mục ❸ - Tài sản bảo đảm bị xử lý

a) Đánh dấu vào ô vuông tại điểm 3.1 hoặc điểm 3.2 để xác định yêu cầu xử lý toàn bộ hay một phần tài sản bảo đảm.

b) Trong trường hợp yêu cầu xử lý một phần tài sản bảo đảm (điểm 3.2) thì phải kê khai về tài sản bị xử lý theo đúng nội dung đã đăng ký.

c) Nếu phần "Mô tả tài sản bị xử lý" không đủ thì sử dụng Phụ lục số 02 hoặc Phụ lục số 03 để tiếp tục mô tả về tài sản bị xử lý.

Mẫu số 05

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

PHIẾU YÊU CẦU XÓA ĐĂNG KÝ
(Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2018/TT-BTP ngày 20/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

Kính gửi: **Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại** .....

PHẦN GHI CỦA TRUNG TÂM ĐĂNG KÝ
Số tiếp nhận:
Thời điểm tiếp nhận: _ _ giờ _ _ phút, ngày _ _ _/_ _ _/_ _ _
Người tiếp nhận *(ký và ghi rõ họ, tên)*:

❶ Thông tin chung

1.1. Người yêu cầu (*):

☐ Bên bảo đảm ☐ Bên nhận bảo đảm ☐ Người được ủy quyền

1.2. Nhận kết quả đăng ký: ☐ Trực tiếp tại cơ quan đăng ký, hoặc

☐ Qua đường bưu điện *(ghi tên và địa chỉ người nhận):* .....

.....

☐ Phương thức khác *(sau khi thỏa thuận với cơ quan đăng ký):*

1.3. Mã số sử dụng CSDL về biện pháp bảo đảm *(nếu có)*:.....

1.4. Người để cơ quan đăng ký liên hệ khi cần thiết:

Họ và tên:.....

Số điện thoại:..... Thư điện tử:.....

❷ Biện pháp bảo đảm, hợp đồng đã đăng ký (*)

Số đăng ký:.. .....

☐ Yêu cầu thông báo việc xóa thế chấp đối với phương tiện giao thông

Tên và địa chỉ cơ quan tiếp nhận thông báo:.....

❸ Kèm theo đơn yêu cầu gồm có:	***Người tiếp nhận kiểm tra***
Văn bản ủy quyền gồm..... trang	☐
Chứng từ nộp phí	☐
Giấy tờ chứng minh trường hợp không phải nộp phí xóa đăng ký	☐
Văn bản đồng ý xóa đăng ký biện pháp bảo đảm; văn bản thông báo giải chấp của bên nhận bảo đảm	☐
Văn bản xác nhận kết quả xử lý tài sản bảo đảm của Cơ quan Thi hành án dân sự hoặc Văn phòng Thừa phát lại; bản án, quyết định của Tòa án hoặc quyết định của Trọng tài về việc hủy bỏ biện pháp bảo đảm, tuyên bố biện pháp bảo đảm vô hiệu	☐

❹ Người yêu cầu đăng ký cam đoan những thông tin được kê khai trong đơn yêu cầu này là trung thực, đầy đủ và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin đã kê khai.

BÊN BẢO ĐẢM
(HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN)
Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

BÊN NHẬN BẢO ĐẢM
(HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN)
Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số 05

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI

1. Hướng dẫn chung

a) Nội dung kê khai rõ ràng, không tẩy xóa.

b) Đối với phần kê khai mà có nhiều cách lựa chọn khác nhau thì đánh dấu (X) vào ô vuông tương ứng với nội dung lựa chọn.

c) Bắt buộc phải kê khai tại các mục đánh dấu (*); không bắt buộc kê khai tại các mục còn lại.

d) Tại điểm 1.2: Trong trường hợp người yêu cầu đăng ký không đánh dấu vào một trong ba ô vuông tại điểm này hoặc đánh dấu vào ô vuông "Qua đường bưu điện", nhưng không kê khai về tên và địa chỉ người nhận thì kết quả đăng ký được trả trực tiếp tại cơ quan đăng ký.

2. Kê khai tại mục ❷ - Biện pháp bảo đảm, hợp đồng đã đăng ký: Kê khai về số đăng ký của biện pháp bảo đảm, hợp đồng đã đăng ký do cơ quan đăng ký cấp.

Mẫu số 06

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

PHIẾU YÊU CẦU CẤP BẢN SAO VĂN BẢN CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ
(Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2018/TT-BTP ngày 20/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

Kính gửi: **Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại**.....

PHẦN GHI CỦA TRUNG TÂM ĐĂNG KÝ
Số tiếp nhận: Thời điểm tiếp nhận: _ _ giờ _ _ phút, ngày _ _ _/_ _ _/_ _ _ Người tiếp nhận *(ký và ghi rõ họ, tên)*:

❶ Phương thức nhận bản sao

☐ Trực tiếp tại cơ quan đăng ký

☐ Qua đường bưu điện *(theo tên và địa chỉ kê khai tại mục ❷ phiếu yêu cầu này)*

☐ Phương thức khác *(sau khi thỏa thuận với cơ quan đăng ký):*

❷ Người yêu cầu cấp bản sao

2.1. Tên đầy đủ: *(viết chữ IN HOA)* (*) .....

.....

2.3. Địa chỉ (*).....

2.3. Mã số sử dụng CSDL về biện pháp bảo đảm *(nếu có)* .....

2.4. Người để cơ quan đăng ký liên hệ khi cần thiết:

Họ và tên:.....

Số điện thoại:..... Thư điện tử:.....

❸ Yêu cầu cấp bản sao văn bản chứng nhận đăng ký(*):

TT	Số đăng ký	Số lượng bản sao yêu cầu cung cấp

❹Kèm theo phiếu yêu cầu gồm có: *Chứng từ nộp phí cấp bản sao kết quả đăng ký*	***Người tiếp nhận kiểm tra*** ☐

NGƯỜI YÊU CẦU CẤP BẢN SAO
Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số 06

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI

1. Hướng dẫn chung

a) Nội dung kê khai rõ ràng, không tẩy xóa.

b) Đối với phần kê khai mà có nhiều cách lựa chọn khác nhau thì đánh dấu (X) vào ô vuông tương ứng với nội dung lựa chọn.

c) Bắt buộc phải kê khai tại các mục đánh dấu (*); không bắt buộc kê khai tại các mục còn lại.

2. Tại mục ❶ - Phương thức nhận bản sao

Trong trường hợp người yêu cầu đăng ký không đánh dấu vào một trong ba ô vuông tại mục này thì bản sao được trả trực tiếp tại cơ quan đăng ký

3. Tại mục ❷ - Người yêu cầu cấp bản sao

Nếu người yêu cầu đăng ký đã được cấp mã số sử dụng cơ sở dữ liệu về biện pháp bảo đảm thì phải kê khai mã số sử dụng cơ sở dữ liệu do Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm cấp

4. Tại mục ❸ - Yêu cầu cấp bản sao kết quả đăng ký

Kê khai tại các cột tương ứng, cụ thể: Kê khai về số đăng ký của kết quả đăng ký cần được cấp bản sao và số lượng bản sao cần được cung cấp.

Mẫu số 07

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

PHIẾU YÊU CẦU CUNG CẤP THÔNG TIN VỀ BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM, HỢP ĐỒNG, THÔNG BÁO KÊ BIÊN TÀI SẢN ĐỂ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2018/TT-BTP ngày 20/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

Kính gửi: **Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại**.....

PHẦN GHI CỦA TRUNG TÂM ĐĂNG KÝ
Số tiếp nhận: Thời điểm tiếp nhận: *__ giờ __ phút, ngày ___/___/____* Người tiếp nhận *(ký và ghi rõ họ, tên)*:

❶ Phương thức nhận kết quả cung cấp thông tin

☐ Trực tiếp tại cơ quan đăng ký ☐ Qua đường bưu điện *(theo tên và địa chỉ kê khai tại mục ❷ đơn này)*

☐ Phương thức khác *(sau khi thỏa thuận với cơ quan đăng ký)*:.....

❷ Người yêu cầu cung cấp thông tin

2.1. Tên đầy đủ: *(viết chữ IN HOA)* (*) .....

.....

2.2. Địa chỉ (*).....

2.3. Mã số sử dụng CSDL về biện pháp bảo đảm *(nếu có)*:.....

2.4. Người để cơ quan đăng ký liên hệ khi cần thiết:

Họ và tên:..... Số điện thoại:..... Thư điện tử:.....

❸ Yêu cầu cung cấp thông tin theo tên của bên bảo đảm, người phải thi hành án:

Tên đầy đủ *(viết chữ IN HOA)* (*) .....

.....

Địa chỉ .....

.....

❹ Yêu cầu cung cấp thông tin theo giấy tờ xác định tư cách pháp lý của bên bảo đảm, người phải thi hành án:

☐ CMND/Căn cước công dân ☐ Hộ chiếu ☐ Số Thẻ thường trú ☐ Mã số thuế

Số:.....

❺ Yêu cầu cung cấp thông tin theo số khung của phương tiện giao thông cơ giới

.....

❻ Yêu cầu cung cấp thông tin theo số đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng

.....

❼ Kèm theo phiếu yêu cầu gồm có: *Chứng từ nộp phí cung cấp thông tin*	***Người tiếp nhận kiểm tra*** ☐

NGƯỜI YÊU CẦU CUNG CẤP THÔNG TIN
Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số 07

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI

1. Hướng dẫn chung

a) Nội dung kê khai rõ ràng, không tẩy xóa.

b) Đối với phần kê khai mà có nhiều cách lựa chọn khác nhau thì đánh dấu (X) vào ô vuông tương ứng với nội dung lựa chọn.

c) Bắt buộc phải kê khai tại các mục đánh dấu (*); không bắt buộc kê khai tại các mục còn lại.

d) Tại **mục ❶**, trong trường hợp người yêu cầu đăng ký không đánh dấu lựa chọn phương thức nhận kết quả tại điểm này thì kết quả cung cấp thông tin được trả trực tiếp tại cơ quan đăng ký.

2. Kê khai tại mục ❷ - Người yêu cầu cung cấp thông tin

Tại điểm 2.2: Nếu người yêu cầu cung cấp thông tin đã được cấp mã số sử dụng cơ sở dữ liệu về biện pháp bảo đảm thì phải kê khai mã số sử dụng cơ sở dữ liệu về biện pháp bảo đảm do Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm cấp.

3. Kê khai tại mục ❸ - Yêu cầu cung cấp thông tin theo giấy tờ xác định tư cách pháp lý của bên bảo đảm

Việc kê khai tên, số giấy tờ xác định tư cách pháp lý (Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, mã số thuế...) của bên bảo đảm thực hiện theo hướng dẫn tại Điều.... Thông tư số... của Bộ Tư pháp ngày... tháng.... năm...

Mẫu số 08

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

PHIẾU YÊU CẦU CẤP MÃ PIN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2018/TT-BTP ngày 20/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

Kính gửi: **Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại.....**

1. **Thông tin về người yêu cầu cấp mã Pin**

- Tên đầy đủ *(viết chữ IN HOA)* (*): .....
.....
- Địa chỉ (*): .....
.....
- Mã số sử dụng CSDL về biện pháp bảo đảm *(nếu có)*:.....
- Số điện thoại *(nếu có)*: ..... Số fax*(nếu có)*:.....
- Địa chỉ thư điện tử *(nếu có)*: .....

2. Thông tin về số đăng ký cần được cấp mã Pin

2.1. Số đăng ký đã được cấp (*):..... ngày..... tháng..... năm.....

2.2. Phương thức nhận kết quả:

☐ Trực tiếp tại cơ quan đăng ký

☐ Qua đường bưu điện *(ghi tên và địa chỉ người nhận):*.....
.....

☐ Qua thư điện tử (ghi rõ địa chỉ nhận):.....

2.3. Người để cơ quan đăng ký liên hệ khi cần thiết:
Họ và tên:..... Số điện thoại:..... Thư điện tử:.....

NGƯỜI YÊU CẦU
Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số 08

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI

1. Nội dung kê khai rõ ràng, không tẩy xóa.

2. **Hướng dẫn chung**

a) Đối với phần kê khai mà có nhiều cách lựa chọn khác nhau thì đánh dấu (X) vào ô vuông tương ứng với nội dung lựa chọn.

b) Bắt buộc phải kê khai tại các mục đánh dấu (*); không bắt buộc kê khai tại các mục còn lại.

3. Tại điểm 2.3: Trong trường hợp người yêu cầu đăng ký không đánh dấu lựa chọn phương thức nhận kết quả hoặc lựa chọn phương thức nhận kết quả là "Qua đường bưu điện", nhưng không kê khai về tên và địa chỉ người nhận thì kết quả được trả trực tiếp tại cơ quan đăng ký.

Mẫu số 09

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

VĂN BẢN CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM, HỢP ĐỒNG

TRUNG TÂM ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH, TÀI SẢN TẠI.....

CHỨNG NHẬN

1. Nội dung đăng ký của phiếu yêu cầu đăng ký số..... đã được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu về biện pháp bảo đảm; có hiệu lực đăng ký từ thời điểm..... giờ..... phút, ngày..... tháng..... năm..... và được Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản gửi kèm theo Văn bản chứng nhận.

2. Bên nhận bảo đảm:.....

.....

- Địa chỉ:.....

.....

3. Bên bảo đảm:.....

.....

- Giấy tờ chứng minh tư cách pháp lý số:.....

4. Mã Pin:.....

(Người yêu cầu đăng ký hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc bảo mật thông tin liên quan đến mã Pin do cơ quan đăng ký cấp).

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 10

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

VĂN BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN VỀ BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM, HỢP ĐỒNG, THÔNG BÁO KÊ BIÊN TÀI SẢN THI HÀNH ÁN

Người yêu cầu cung cấp thông tin:.....

Địa chỉ liên hệ:.....

TRUNG TÂM ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH, TÀI SẢN TẠI.....
CHỨNG NHẬN

1. Việc tra cứu thông tin được thực hiện theo tiêu chí sau đây:

☐ Số giấy tờ xác định tư cách pháp lý của bên bảo đảm, người phải thi hành án:

.....

☐ Số khung của phương tiện giao thông cơ giới:.....

☐ Số đăng ký:.....

☐ Tên tổ chức (tổ chức khác):.....

2. Thông tin về biện pháp bảo đảm, hợp đồng, thông báo kê biên tài sản thi hành án tra cứu lúc..... giờ..... phút, ngày..... tháng..... năm..... được Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản cung cấp kèm theo Văn bản chứng nhận.

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 11

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

VĂN BẢN THÔNG BÁO VIỆC KÊ BIÊN TÀI SẢN ĐỂ THI HÀNH ÁN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2018/TT-BTP ngày 20/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

Kính gửi: **Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại**.....

PHẦN GHI CỦA TRUNG TÂM ĐĂNG KÝ
Số tiếp nhận: Thời điểm tiếp nhận: _ _ *giờ* _ _ *phút, ngày* _ _ _ /_ _ _ /_ _ _ Người tiếp nhận *(ký và ghi rõ họ, tên)*:

❶ Thông tin chung(*)

1.1. Người thông báo

☐ Chấp hành viên ☐ Thừa phát lại

1.2. Mã số sử dụng CSDL về biện pháp bảo đảm (nếu có):.....

1.3. Nhận văn bản thông báo ☐ Trực tiếp tại cơ quan đăng ký, hoặc

☐ Qua đường bưu điện *(ghi tên và địa chỉ người nhận):* .....

☐ Phương thức khác *(sau khi thỏa thuận với cơ quan đăng ký):*.....

1.4. Người để cơ quan đăng ký liên hệ khi cần thiết

Họ và tên:..... Số điện thoại:..... Thư điện tử:.....

❷ Người phải thi hành án

Tên đầy đủ *(viết chữ IN HOA)* (*) .....

Địa chỉ (*) .....

☐ CMND/Căn cước công dân ☐ Hộ chiếu ☐ Số Thẻ thường trú

☐ Mã số thuế

Số(*) ..... do..... cấp ngày...../...../.....

❸ Chấp hành viên

Tên đầy đủ *(viết chữ IN HOA)* (*) .....

.....

Địa chỉ (*).....

Mẫu số 11

❹ Mô tả tài sản kê biên (*)

4.1.Áp dụng đối với mọi loại tài sản kê biên

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

4.2. Mô tả tài sản kê biên là phương tiện giao thông cơ giới theo số khung của phương tiện (nếu kê khai tại điểm này thì không kê khai tại điểm 4.1):

TT	Loại phương tiện giao thông cơ giới; nhãn hiệu	Biển số	Số khung(*)	Số máy	Ghi chú

❺ Quyết định kê biên (*)

Số:..... ký ngày..... tháng..... năm.....

❻ Kèm theo văn bản thông báo gồm có:

		Người tiếp nhận kiểm tra
Phụ lục số 01	gồm..... trang	☐
Phụ lục số 02	gồm..... trang	☐
Phụ lục số 03	gồm..... trang	☐

CHẤP HÀNH VIÊN

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số 11

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI

1. Hướng dẫn chung

a) Nội dung kê khai rõ ràng, không tẩy xóa.

b) Đối với phần kê khai mà có nhiều cách lựa chọn khác nhau thì đánh dấu (X) vào ô vuông tương ứng với nội dung lựa chọn.

c) Bắt buộc phải kê khai tại các mục đánh dấu (*); không bắt buộc kê khai tại các mục còn lại.

d) Tại điểm 1.2: Nếu người gửi văn bản thông báo đã được cấp Mã số sử dụng cơ sở dữ liệu về đăng ký biện pháp bảo đảm thì phải kê khai Mã số sử dụng cơ sở dữ liệu về đăng ký biện pháp bảo đảm do Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm cấp.

đ) Tại điểm 1.3: Trong trường hợp người gửi văn bản thông báo không đánh dấu vào một trong ba ô vuông tại điểm này hoặc đánh dấu vào ô vuông "Qua đường bưu điện", nhưng không kê khai về tên và địa chỉ người nhận thì kết quả đăng ký được trả trực tiếp tại cơ quan đăng ký.

2. Kê khai tại mục ❷ (người phải thi hành án)

a) Việc kê khai tên, số giấy tờ xác định tư cách pháp lý (Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, Mã số thuế...) của người phải thi hành án thực hiện theo hướng dẫn tại Điều.... Thông tư số... ngày....

c) Trong trường hợp không còn chỗ để kê khai về người phải thi hành án thì sử dụng Phụ lục số 01 để tiếp tục kê khai.

3. Kê khai tại mục ❹ - Tài sản kê biên

a) Trường hợp có nhiều tài sản kê biên khác nhau, nhưng có thể mô tả chung theo tính chất, đặc điểm của các tài sản đó thì người gửi văn bản thông báo có thể lựa chọn mô tả chung về những tài sản đó hoặc mô tả chi tiết về từng tài sản.

b) Đối với tài sản bảo đảm là phương tiện giao thông cơ giới:

- Trường hợp tài sản bảo đảm là phương tiện giao thông cơ giới có số khung là hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh của người phải thi hành án, tài sản kê biên là phương tiện giao thông cơ giới không có số khung thì mô tả tại điểm 4.1 *(ví dụ: toàn bộ các phương tiện giao thông cơ giới tại Cửa hàng X)*

- Trường hợp tài sản kê biên là phương tiện giao thông cơ giới có số khung thì mô tả chi tiết về tài sản tại điểm 4.2.

c) Trường hợp tại điểm 4.1 không đủ để kê khai thì sử dụng Phụ lục số 02; trường hợp tại điểm 4.2 không đủ để kê khai thì sử dụng Phụ lục số 03 để tiếp tục kê khai.

4. Kê khai tại mục ❺: Mỗi văn bản thông báo chỉ thực hiện thông báo cho một quyết định kê biên.

Mẫu số 12

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

VĂN BẢN THÔNG BÁO VỀ VIỆC GIẢI TỎA KÊ BIÊN TÀI SẢN THI HÀNH ÁN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2018/TT-BTP ngày 20/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

Kính gửi: **Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại**.....

PHẦN GHI CỦA TRUNG TÂM ĐĂNG KÝ
Số tiếp nhận: Thời điểm tiếp nhận: _ _ *giờ* _ _ *phút, ngày* _ _ _ /_ _ _ /_ _ _ Người tiếp nhận *(ký và ghi rõ họ, tên)*:

❶ Thông tin chung (*)

1.1. Người thông báo:

☐ Chấp hành viên ☐ Thừa phát lại

1.2. Nhận văn bản thông báo ☐ Trực tiếp tại cơ quan đăng ký, hoặc

☐ Qua đường bưu điện *(ghi tên và địa chỉ người nhận):* .....

.....

☐ Phương thức khác *(sau khi thỏa thuận với cơ quan đăng ký):*.....

1.3. Mã số sử dụng CSDL bảo đảm (nếu có):.....

1.4. Người để cơ quan đăng ký liên hệ khi cần thiết:

Họ và tên:.....

Số điện thoại:..... Thư điện tử:.....

❷ Văn bản thông báo việc kê biên tài sản thi hành án

Số văn bản thông báo:.....

❸ Quyết định kê biên và Quyết định giải tỏa việc kê biên

3.1. Quyết định kê biên: Số..... ký ngày..... tháng..... năm.....

3.2. Quyết định giải tỏa việc kê biên: Số..... ký ngày..... tháng..... năm.....

CHẤP HÀNH VIÊN
(HOẶC THỪA PHÁT LẠI)
Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số 13

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

VĂN BẢN XÁC NHẬN VIỆC TRAO ĐỔI THÔNG TIN VỀ KÊ BIÊN, GIẢI TỎA VIỆC KÊ BIÊN TÀI SẢN THI HÀNH ÁN

TRUNG TÂM ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH, TÀI SẢN TẠI.....
CHỨNG NHẬN

1. Nội dung thông báo của văn bản thông báo số..... đã được tiếp nhận và cập nhật vào Cơ sở dữ liệu về biện pháp bảo đảm từ thời điểm..... giờ..... phút, ngày..... tháng..... năm..... và được Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản gửi kèm theo Văn bản xác nhận.

2. Người thông báo:.....

.....

- Địa chỉ:.....

.....

3. Người phải thi hành án:.....

.....

- Giấy tờ chứng minh tư cách pháp lý số:.....

4. Mã Pin:.....

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 14

PHIẾU YÊU CẦU KHÔI PHỤC KẾT QUẢ ĐĂNG KÝ TRỰC TUYẾN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2018/TT-BTP ngày 20/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi: Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại.....

Xét thấy kết quả đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng bị hủy không theo đúng các căn cứ do pháp luật quy định,..... yêu cầu Quý Trung tâm xem xét, khôi phục lại kết quả đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng đã bị hủy, cụ thể như sau:

1. Tên người yêu cầu đăng ký:.....
2. Địa chỉ:.....
3. Mã số sử dụng CSDL về biện pháp bảo đảm:.....
4. Điện thoại liên hệ:.....
5. Thư điện tử:.....
6. Số đăng ký đã bị hủy:.....
7. Văn bản hủy kết quả đăng ký số....., ngày.... tháng... năm..... của Quý Trung tâm.

Xin trân trọng cảm ơn và rất mong nhận được sự quan tâm, phối hợp của Quý Trung tâm./.

....., ngày..... tháng..... năm.....
NGƯỜI YÊU CẦU ĐĂNG KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 15

PHIẾU YÊU CẦU THÔNG BÁO VỀ VIỆC THẾ CHẤP PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2018/TT-BTP ngày 20/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

Kính gửi: Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại.....

1. Thông tin về cá nhân (tổ chức) yêu cầu

- Tên đầy đủ *(viết chữ IN HOA)*:.....
- Địa chỉ:.....
- Mã số sử dụng CSDL về biện pháp bảo đảm (nếu có):.....

2. Nội dung yêu cầu

2.1. Đề nghị Quý Trung tâm thông báo về việc đăng ký biện pháp bảo đảm (đăng ký/xóa đăng ký) đối với tài sản bảo đảm như sau:

- Đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ: Phương tiện *(Ô tô/xe máy....); có số khung.....; số máy.....; biển số..... của chủ sở hữu (bên bảo đảm) là.....; giấy tờ xác định tư cách pháp lý số:.....; thuộc số phiếu đăng ký.....; loại đăng ký.....; thời điểm đăng ký.....; thế chấp tại.....* đến.....

..... (tên và địa chỉ của cơ quan đăng ký phương tiện giao thông).

- Đối với phương tiện thủy nội địa: *Tàu sông có số đăng ký, năm và nơi đóng tàu, chiều dài, chiều rộng, chiều cao mạn, trọng tải toàn phần, công suất máy chính (nếu có)..... của chủ sở hữu (bên bảo đảm) là.....; giấy tờ xác định tư cách pháp lý số:.....; thuộc số phiếu đăng ký.....; loại đăng ký.....; thời điểm đăng ký.....; thế chấp tại..... đến..... (tên và địa chỉ của cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa).*

- Đối với phương tiện giao thông đường sắt: Phương tiện (Đầu máy/toa xe.....); c*ó số đăng ký, số động cơ, kiểu loại động cơ (nếu có) đối với phương tiện là đầu máy và các phương tiện động lực chuyên dùng hoặc số đăng ký đối với phương tiện là toa xe, toa xe gòong (nếu có)..... của chủ sở hữu (bên bảo đảm) là.....; giấy tờ xác định tư cách pháp lý số.....; thuộc số phiếu đăng ký.....; loại đăng ký.....; thời điểm đăng ký.....; thế chấp tại.....; đến..... (tên và địa chỉ của cơ quan đăng ký phương tiện giao thông giao thông đường sắt).*

- Đối với tàu cá: *Tàu cá có số đăng ký, năm và nơi đóng tàu, chiều dài, chiều rộng, chiều cao mạn, trọng tải toàn phần, công suất máy chính (nếu có)..... của chủ sở hữu (bên bảo đảm) là.....; giấy tờ xác định tư cách pháp lý số:.....; thuộc số phiếu đăng ký.....; loại đăng ký.....; thời điểm đăng ký.....; thế chấp tại..... đến..... (tên và địa chỉ của cơ quan đăng ký tàu cá).*

2.2. Đề nghị Quý Trung tâm quét (scan) và gửi văn bản thông báo kết quả tiếp nhận, giải quyết thông tin về tài sản bảo đảm của cơ quan đăng ký quyền sở hữu, quyền lưu hành phương tiện giao thông đến địa chỉ email sau đây:.....

Xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý Trung tâm./.

NGƯỜI YÊU CẦU

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số 16

PHỤ LỤC THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN THẾ CHẤP/XÓA THẾ CHẤP LÀ PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TB-TT *....., ngày..... tháng..... năm.....*

Kính gửi:

Địa chỉ:

Trên cơ sở yêu cầu thông báo việc thế chấp tài sản là phương tiện giao thông và kết quả đăng ký biện pháp bảo đảm, Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại..... (sau đây gọi là Trung tâm Đăng ký) thông báo:

1. Việc thế chấp/xóa thế chấp tài sản là phương tiện giao thông đã được đăng ký thể hiện tại Bản sao Văn bản chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng gửi kèm theo Phụ lục này.

2. Thông tin về phương tiện giao thông được (thế chấp/xóa thế chấp) gồm:

Phương tiện		**Chủ sở hữu (Bên bảo đảm)**	**Thông tin đăng ký thế chấp**	**Số đơn đăng ký lần đầu**
Loại phương tiện	Thông tin về phương tiện	- Tên - Số giấy tờ xác định tư cách pháp lý	- Loại đăng ký: - Thời điểm đăng ký: - Thế chấp tại: (tên bên nhận bảo đảm)	

Đề nghị Quý cơ quan cập nhật thông tin đối với phương tiện giao thông nêu trên để quản lý theo quy định của pháp luật và phản hồi kết quả cập nhật thông tin cho Trung tâm Đăng ký theo địa chỉ:

- Tên Trung tâm Đăng ký:
- Địa chỉ:
- Thư điện tử:

Xin trân trọng cảm ơn sự phối hợp của Quý cơ quan./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bên nhận bảo đảm;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Phụ lục số 01

PHỤ LỤC CÁC BÊN THAM GIA BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM, HỢP ĐỒNG, NGƯỜI PHẢI THI HÀNH ÁN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2018/TT-BTP ngày 20/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

PHẦN GHI CỦA TRUNG TÂM ĐĂNG KÝ
Phụ lục này là một phần gắn liền với Phiếu yêu cầu đăng ký, Văn bản thông báo việc kê biên tài sản thi hành án số:.....

❶ ☐ **Bên bảo đảm** ☐ **Bên nhận bảo đảm** ☐ **Người phải thi hành án**

Tên đầy đủ *(viết chữ IN HOA)* .....

.....

Địa chỉ .....

.....

☐ CMND ☐ Hộ chiếu ☐ Thẻ thường trú ☐ Mã số thuế

Số ..... do..... cấp ngày...../...../.....

❷ ☐ **Bên bảo đảm** ☐ **Bên nhận bảo đảm** ☐ **Người phải thi hành án**

Tên đầy đủ *(viết chữ IN HOA)* .....

.....

Địa chỉ .....

.....

☐ CMND ☐ Hộ chiếu ☐ Thẻ thường trú ☐ Mã số thuế

Số ..... do..... cấp ngày...../...../.....

❸ ☐ **Bên bảo đảm** ☐ **Bên nhận bảo đảm** ☐ **Người phải thi hành án**

Tên đầy đủ *(viết chữ IN HOA)* .....

.....

Địa chỉ .....

.....

☐ CMND ☐ Hộ chiếu ☐ Thẻ thường trú ☐ Mã số thuế

Số ..... do..... cấp ngày...../...../.....

❹ **Bên bảo đảm** ☐ **Bên nhận bảo đảm** ☐ **Người phải thi hành án**

Tên đầy đủ *(viết chữ IN HOA)* .....

.....

Địa chỉ .....

.....

☐ CMND ☐ Hộ chiếu ☐ Thẻ thường trú ☐ Mã số thuế

Số ..... do..... cấp ngày...../...../.....

NGƯỜI KÊ KHAI

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Phụ lục số 02

PHỤ LỤC

(Dùng để mô tả tài sản bảo đảm, tài sản kê biên thi hành án dân sự bao gồm cả phương tiện giao thông cơ giới nhưng không mô tả theo số khung hoặc để kê khai những nội dung khác)

(Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2018/TT-BTP ngày 20/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

PHẦN GHI CỦA TRUNG TÂM ĐĂNG KÝ
Phụ lục này là một phần gắn liền với Phiếu yêu cầu đăng ký/Văn bản thông báo về việc kê biên tài sản thi hành án số:.....

TT	

NGƯỜI KÊ KHAI

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Phụ lục số 03

PHỤ LỤC

(Dùng để mô tả tài sản bảo đảm, tài sản kê biên thi hành án dân sự theo số khung của phương tiện giao thông cơ giới)

(Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2018/TT-BTP ngày 20/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

PHẦN GHI CỦA TRUNG TÂM ĐĂNG KÝ
Phụ lục này là một phần gắn liền với Phiếu yêu cầu đăng ký/Văn bản thông báo việc kê biên tài sản thi hành án số:.....

TT	**Loại phương tiện; nhãn hiệu**	**Biển số**	**Số khung(*)**	**Số máy**	**Ghi chú**	**Yêu cầu thông báo việc thế chấp (tên và địa chỉ cơ quan tiếp nhận thông báo)**

NGƯỜI KÊ KHAI
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Phụ lục số 04

PHỤ LỤC

Danh mục các biện pháp bảo đảm, hợp đồng đã đăng ký

(Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2018/TT-BTP ngày 20/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

PHẦN GHI CỦA TRUNG TÂM ĐĂNG KÝ
Phụ lục này là một phần gắn liền với Phiếu yêu cầu đăng ký số:.....

TT	**Số đăng ký**(*)	**Ghi chú**

NGƯỜI KÊ KHAI
(Ký và ghi rõ họ, tên)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng